**ÔN TẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

**BÀI MỞ ĐẦU**

**NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

1. Cống hiến vĩ đại của C.Mác mà nhờ đó chủ nghĩa xã hội từ không tưởng trở thành khoa học là:  
a. Lên án mạnh mẽ chủ nghĩa tư bản, bóc lột giai cấp công nhân làm thuê.  
b. Phản ánh đúng khát vọng của nhân dân lao động bị áp bức.  
c. Phát hiện ra giai cấp công nhân là lực lượng xã hội có thể thủ tiêu CNTB, xây dựng CNXH.  
d. Chỉ ra sự cần thiết phải thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội.

2. Những phát kiến mà C.Mác và Ph.Ăngghen đã dựa vào để xây dựng luận chứng về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là:  
a. CNXH không tưởng phê phán  
b. Chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư  
c. Triết học cổ điển Đức và kinh tế chính trị học cổ điển Anh  
d. Cả a, b và c

3. Tác phẩm đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học là:  
a. Tình cảnh giai cấp công nhân Anh  
b. Tuyên ngôn Đảng cộng sản  
c. Chủ nghĩa cộng sản  
d. Chống Đuyrinh

4. Chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời từ điều kiện kinh tế - xã hội:  
a. Sự ra đời chính đảng của giai cấp công nhân  
b. Sự phát triển mạnh của phương thức sản xuất tư bản và sự lớn mạnh của giai cấp công nhân  
c. Sự ủng hộ của giai cấp công nhân và tầng lớp trí thức đối với giai cấp công nhân  
d. Giai cấp công nhân đã thực sự giác ngộ sứ mệnh lịch sử của mình

5. Các bộ phận lý luận cơ bản cấu thành Chủ nghĩa Mác – Lênin là:  
a. Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.  
b. Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Tư tưởng triết học và lịch sử nhân loại  
c. Triết học, Kinh tế học và xã hội học  
d. Tư tưởng văn hóa phục hưng Pháp; Triết học cổ điển Đức, Kinh tế chính trị cổ điển Anh.

6. Các tiền đề lý luận hình thành Chủ nghĩa Mác là:  
a. Triết học cổ điển Đức; Văn hóa phục hưng Pháp và Kinh tế chính trị cổ điển Anh.  
b. Triết học cổ đại; Kinh tế chính trị Anh và Chủ nghĩa xã hội không tưởng   
c. Triết học cổ điển Đức, Kinh tế chính trị cổ điển Anh và Chủ nghĩa xã hội không tưởng.  
d. Tư tưởng nhân loại, Triết học cổ điển Đức và Kinh tế chính trị cổ điển Anh, Chủ nghĩa xã hội khoa hoc.

7. Ba phát minh vạch thời đại trong vật lý học và sinh học tạo ra bước phát triển đột phá có tính cách mạng:  
a. Học thuyết Tiến hoá, Định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng, Học thuyết tế bào.  
b. Học thuyết Tiến hoá, Học thuyết tế bào, Định luật vạn vật hấp dẫn.  
c. Học thuyết tế bào, Định luật vạn vật hấp dẫn, Thuyết chọn lọc tự nhiên.  
d. Định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng, Định luật vạn vật hấp dẫn, Học thuyết tế bào.

8. Ba phát kiến vĩ đại của C. Mác và Ăngghen là:  
a. Chủ nghĩa duy vật lịch sử, Học thuyết về giá trị thặng dư, Chủ nghĩa duy vật biện chứng.  
b. Chủ nghĩa duy vật lịch sử, Học thuyết về giá trị thặng dư, Học thuyết về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân.  
c. Chủ nghĩa duy vật lịch sử, Học thuyết về giá trị, Học thuyết về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân.  
d. Học thuyết về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân, Học thuyết về giá trị thặng dư, Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

9. Phương pháp nghiên cứu chung của Chủ nghĩa xã hội khoa học:  
a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác- Lênin.  
b. Phương pháp chung và phương pháp cụ thể.  
c. Phương pháp kết hợp lôgic với lịch sử, Phương pháp khảo sát và phân tích, Phương pháp so sánh, Phương pháp có tính liên ngành, Phương pháp tổng kết thực tiễn.  
d. Cả A, B và C.

10. Phương pháp nghiên cứu cụ thể của Chủ nghĩa xã hội khoa học:  
a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác- Lênin.  
b. Phương pháp chung và phương pháp cụ thể.  
c. Phương pháp kết hợp lôgic với lịch sử, Phương pháp khảo sát và phân tích, Phương pháp so sánh, Phương pháp có tính liên ngành, Phương pháp tổng kết thực tiễn...  
d. Cả A, B và C.

11. Trên lĩnh vực xã hội, hoạt động nào là cơ sở chủ yếu nhất cho sự ra đời của CNXHKH là:

a. Sự phát triển mạnh mẽ của chủ nghĩa tư bản

b. Sự phát triển của các ngành khoa học xã hội

c. Thực tiễn cách mạng của giai cấp công nhân

d. Bao gồm ba hoạt động trên

12. Ănghen đã đánh giá: “Hai phát hiện vĩ đại này đã đưa chủ nghĩa xã hội trở thành một khoa học”. Hai phát kiến đó là:

a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử

b. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và học thuyết giá trị thặng dư

c. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và chủ nghĩa duy vật lịch sử

d. Học thuyết giá trị thặng dư và chủ nghĩa duy vật lịch sử

13. Luận điểm của Lênin về khả năng thắng lợi của CNXHKH bắt đầu ở một số nước, thậm chí ở một nước riêng rẽ được rút ra từ sự phân tích quy luật:

a. Quy luật về kinh tế thị trường XHCN.

b. Quy luật về sự phát triển không đồng đều của các nước tư bản chủ nghĩa.

c. Quy luật về cạnh tranh quốc tế

d. Cả ba đáp án trên

14. Lần đầu tiên sự kiện xã hội đã chứng minh tính hiện thực của CNXHKH trong lịch sử:

a. Cuộc các mạng tháng Mười Nga 1917

b. Công xã Pari

c. Cách mạng tháng tám 1945 ở Việt Nam.

d. Chiến tranh thế giới lần thứ II.

15. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa là:

a. Là hệ thống những quan niệm phản ánh nhu cầu, ước mơ của các giai cấp và tầng lớp lao động về một xã hội tốt đẹp

b. Là những thành tựu trên các lĩnh vực mà loài người đã đạt được nhằm nâng cao đời sống con người

c. Là những tác phẩm văn học phản ánh đời sống hiện thực của những người lao động nghèo

d. Các phương án trên đều đúng

16. Các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước Mác có hạn chế cơ bản là:

a. Không chủ trương xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất

b. Không chủ trương xóa bỏ chế độ người bóc lột người

c. Không phát hiện được lực lượng xã hội để sáng tạo ra xã hội mới

d. Mong muốn thực hiện chế độ bình quân trong phân phối

17. Người mở đầu các trào lưu xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa cộng sản thời cận đại là:

a. Tômanđô Campanenla

b. Tômát Morơ

c. Aritxtot

d. Platon

18. Hình thức đầu tiên của đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân khi chưa giành được chính quyền?

a. Đấu tranh chính trị

b. Đấu tranh vũ trang

c. Đấu tranh kinh tế

d. Đấu tranh tư tưởng

19. Trong học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin đã làm sáng tỏ vai trò lịch sử toàn thế giới của giai cấp:

a. Giai cấp tư sản

b. Giai cấp công nhân

c. Giai cấp nông dân

d. Tầng lớp trí thức

20. Chọn câu trả lời đúng.Tình hình thế giới đầu thế kỷ XX là:

a. Chủ nghĩa tư bản chuyển thành chủ nghĩa đế quốc

b. Chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn tự do cạnh tranh

c. Chủ nghĩa tư bản ở giai đọan tích lũy tư bản nguyên thủy

d. Chủ nghĩa cộng sản ra đời

21. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa là:

a. Là một hệ thống những quan niệm phản ánh những nhu cầu, những ước mơ, nguyện vọng của các giai cấp lao động về một xã hội không có áp bức và bóc lột, mọi người đều bình đẳng và có cuộc sống ấm no, hạnh phúc .

b. Là những thành tựu của con người đạt được trong quá trình đấu tranh giải phóng giai cấp.

c. Là chế độ xã hội không có áp bức bóc lột, mọi người đều bình đẳng tự do.

d. Tất cả các ý trên.

22. Những biểu hiện cơ bản của tư tưởng xã hội chủ nghĩa là:

a. Những ước mơ nguyện vọng về một chế độ xã hội ai cũng có việc làm ai cũng lao động.

b. Là quan niệm về một chế độ xã hội mà tư liệu sản xuất đều thuộc về mọi thành viên xã hội.

c. Là những tư tưởng về một xã hội, trong đó mọi người đều bình đẳng, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

d. Tất cả các ý trên.

23. Những yếu tố tư tưởng XHCN được xuất hiện từ khi:

a. Chế độ tư bản chủ nghĩa ra đời.

b. Xuất hiện chế độ tư hữu nhỏ về TLSX; xã hội bắt đầu có sự phân chia giai cấp.

c. Sự xuất hiện giai cấp công nhân

d. Ngay từ thời cộng sản nguyên thuỷ.

24. Chức năng và nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội khoa học là:

a. Trang bị những tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin đã phát hiện ra và luận giải về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

b. Giáo dục, trang bị lập trường tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân cho đảng cộng sản, giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

c. Là định hướng về chính trị – xã hội cho mọi hoạt động của giai cấp công nhân, của đảng cộng sản, của nhà nước và của nhân dân lao động trên mọi lĩnh vực.

d. Tất cả các ý trên.

25. Chủ nghĩa Mác - Lênin là vũ khí tư tưởng để nhận thức và cải tạo thế giới của giai cấp:

a. Giai cấp tư sản

b. Giai cấp nông dân

c. Giai cấp công nhân

d. Giai cấp tiểu thương

26. Chủ nghĩa xã hội khoa học Mác – lênin:

a. Là một học thuyết vạch ra được con đường giải phóng triệt để cho nhân loại cần lao, giải phóng triệt để con người.

b. Xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa lý tưởng.

c. Đặt mục tiêu giải phóng triệt để giai cấp vô sản, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

d. Tất cả các ý trên.

27. Những hạn chế cơ bản của các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước Mác là:

a. Chưa thấy được bản chất bóc lột và quá trình phát sinh phát triển và diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản.

b. Không dùng bạo lực cách mạng để xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa.

c. Không phát hiện được lực lượng xã hội tiên phong có thể thực hiện cuộc chuyển biến cách mạng từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và cộng sản chủ nghĩa.

d. Tất cả các ý trên.

28. Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng là:

a. Do trình độ nhận thức của những nhà tư tưởng.

b. Do khoa học chưa phát triển.

c. Do những điều kiện khách quan quy định

d. Tất cả các ý trên.

29. Những điều kiện và tiền đề khách quan dẫn đến sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học:

a. Sự ra đời và phát triển của nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa

b. Sự trưởng thành của giai cấp công nhân công nghiệp

c. Những thành tựu khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận đầu thế kỉ 19

d. Tất cả các ý trên.

30. Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học là:

a. Là những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát

sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

b. Là những quy luật kinh tế hình thành, phát triển và hoàn thiện của các

hình thái kinh tế - xã hội.

c. Là những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát

sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa.

d. Tất cả các ý trên.

31. Ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học là:

a. Trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển Chủ nghĩa Cộng sản.

b. Là vũ khí sắc bén trong cuộc đấu tranh chống các học thuyết phản động, phi mácxít.

c. Là cơ sở lý luận cho các Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế.

d. Tất cả các ý trên.

32. Câu nói: “Sự phát triển tự do của mọi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người” là của:

a. C. Mác

b. Ph. Ăngghen

c. Lênin

d. Hồ Chí Minh

33. Vào năm 1831, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Lion giương cao khẩu hiệu có tính chất kinh tế là:

a. Cộng hòa hay là chết

b. Sống có việc làm hay là chết trong đấu tranh

c. Tháng thần thánh

d. Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại

34. Vào những năm 40 thế kỷ XIX, cuộc cách mạng nào đã thúc đẩy phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ:

a. Cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật lần thứ nhất

b. Cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật lần thứ nhất hai

c. Cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật lần thứ nhất ba

d. Cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật lần thứ nhất tư

35. Nền đại công nghiệp vào thế kỷ XIX phát triển đã làm phương thức sản xuất Tư bản Chủ nghĩa có bước phát triển vượt bậc, điều này bộc lộ sự mâu thuẫn giữa:

a. Lực lượng sản xuất mang tính chất kinh tế và quan hệ sản xuất tư bản

b. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

c. Lực lượng sản xuất mang tính chất xã hội hoá và quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa

d. Lực lượng sản xuất mang tính chất xã hội và quan hệ sản xuất chiếm hữu nô lệ

36. Tiền đề nào là nguồn gốc lý luận trực tiếp ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học:

a. Triết học cổ điển Đức

b. Kinh tế chính trị học cổ điển Anh

c. Chủ nghĩa xã hội không tưởng – phê phán

d. Triết học cổ điển Đức, kinh tế chinh trị học cổ điển Anh, chủ nghĩa xã hội không tưởng – phê phán

37. Nhà không tưởng nào đã có cách nhìn xã hội Pháp bằng luận điểm “ xã hội văn minh vận động trong vòng luẩn quẩn: nghèo đói sinh ra từ sự thừa thãi; dã man sinh ra từ quá thừa văn minh.”

a. Nhà không tưởng Pháp Xanh Ximông (1769 - 1825)

b. Nhà không tưởng Anh R.Ôoen (1771 – 1823)

c. Nhà không tưởng Pháp S. Phurie (1772 – 1837)

d. Nhà không tưởng Đức Ph.Hêghen (1770 – 1831)

38. C.Mác và Ph.Ăngghen xây dựng nên lý thuyết mới của phép biện chứng từ sự kế thừa:

a. Chủ nghĩa duy vật của L.Phoiơbắc

b. Phép biện chứng “cái hạt nhân hợp lý” của Heghen

c. Quan niệm “nước là khởi nguyên của thế giới, của mọi sự vật, hiện tượng” của Thales

d. Quan niệm “lửa là nguồn gốc sinh ra tất thảy mọi vật” của Heraclitus

39. Tại sao chủ nghĩa xã hội không tưởng – phê phán chỉ dừng lại ở mức độ một học thuyết xã hội chủ nghĩa không tưởng – phê phán

a. Không giải thích được bản chất của chế độ làm thuê trong chế độ tư bản

b. Không phát hiện ra được những quy luật phát triển của chế độ tư bản

c. Không tìm được lực lượng xã hội có khả năng trở thành người sáng tạo ra xã hội mới

d. Cả ba đáp án trên

40. Ý nào sau đây đúng khi nói về thời kỳ 1848 đến Công Xã Paris 1871:

a. Đây là thời kỳ diễn ra rất nhiều sự kiện cách mạng vô sản ở Đông Âu (1848 – 1852)

b. Quốc tế III thành lập (1864)

c. Đây là thời kỳ diễn ra rất nhiều sự kiện cách mạng dân chủ tư sản ở Tây Âu (1848 – 1852)

d. Đây là thời kỳ diễn ra rất nhiều sự kiện cách mạng công nghiệp ở Châu Âu.

41. Tập I bộ Tư bản của C.Mác được xuất bản năm nào?

a. 1854

b. 1869

c. 1864

d. 1867

42. Trong tác phẩm “Chống Đuyrinh” (1878), Ph.Ăngghen đã đánh giá cao công lao của:

a. Các nhà triết học cổ điển Đức

b. Các nhà chính trị học cổ điển Anh

c. Các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Anh, Pháp

d. Các nhà khoa học Anh, Pháp

43. Trên cơ sở phân tích các sự kiện diễn ra của thời kỳ trước cách mạng tháng Mười, V.I.Lênin đã bảo vệ, vận dụng và phát triển sáng tạo các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học trên khía cạnh:

a. Phát triển quan điểm của các nhà không tưởng Anh, Pháp

b. Đấu tranh chống chế độ Mácxít

c. V.I.Lênin đã dành nhiều tâm huyết để luận giải về chủ nghĩa cộng sản

d. Gắn hoạt động lý luận với thực tiễn cách mạng

44. Người đã gắn lý luận và tên tuổi của C.Mác với V.I.Lênin thành “Chủ nghĩa Mác-Lênin”:

a. Xtalin và Đảng Cộng sản Liên Xô

b. G.Đimitrốp

c. Đảng Cộng sản Nga

d. Xtalin và G.Đimitrốp

45. Nội dung nào sau đây thuộc hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế họp tại Matxcơva tháng 11/1957 ?

a. Phân tích tình hình quốc tế và các vấn đề cơ bản của thế giới, đưa ra khái niệm về “thời đại hiện nay”.

b. Xác định nhiệm vụ hàng đầu của đảng Cộng sản và công nhân là bảo vệ, củng cố hòa bình, ngăn chặn bọn đế quốc hiếu chiến phát động cuộc chiến tranh thế giới mới.

c. Tổng kết và thông qua 9 quy luật chung của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

d. Tăng cường đoàn kết phong trào cộng sản đấu tranh cho hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

46. Những đóng góp to lớn vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin nói chung và chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng sau 35 năm đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam là:

a. Kết hợp đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới chính trị làm trung tâm.

b. Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

c. Chú trọng phát huy tối đa sức mạnh của giai cấp công nhân.

d. Giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân – nhân tố quan trọng hàng đầu đảm bảo thắng lợi của sự nghiệp đổi mới hội nhập và phát triển đất nước.

47. Chủ nghĩa xã hội khoa học là sự tiếp tục một cách lôgíc triết học và kinh tế chính trị học mácxít, là sự biểu hiện trực tiếp mục đích và hiệu lực chỉnh trị của \_\_\_ trong thực tiễn.

a. Chủ nghĩa Mác – Lênin

b. Chủ nghĩa tư bản

c. Chủ nghĩa xã hội

d. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

48. Phương pháp có tính đặc thù của chủ nghĩa xã hội khoa học là:

a. Phương pháp so sánh về mặt chính trị - xã hội dựa trên các điều kiện kinh tế - xã hội.

b. Phương pháp kết hợp lôgíc và lịch sử về mặt chính trị - xã hội dựa trên các điều kiện kinh tế - xã hội.

c. Phương pháp trừu tượng hóa khoa học về mặt chính trị - xã hội dựa trên các điều kiện kinh tế - xã hội.

d. Phương pháp khảo sát và phân tích về mặt chính trị - xã hội dựa trên các điều kiện kinh tế - xã hội.

49. Niềm tin khoa học là:

a. Sự thống nhất giữa nhận thức, tình cảm, ý chí.

b. Quyết tâm trở thành động lực tinh thần hướng con người đến hoạt động thực tiễn một cách chủ động, tự giác, sáng tạo và cách mạng.

c. Cả hai đáp án đều đúng.

d. Cả hai đáp án đều sai.

50. Người viết tác phẩm “Không tưởng” (Utôpi):

a. Nhà không tưởng Pháp Xanh Ximông (1769 - 1825)

b. Nhà không tưởng Anh R.Ôoen (1771 – 1823)

c. Nhà không tưởng Pháp S. Phurie (1772 – 1837)

d. Nhà không tưởng Thomas More (1478 – 1535)

51. Tư tưởng về “Giang sơn ngàn năm của Chúa” xuất hiện ở thời đại:

a. Cộng sản nguyên thuỷ

b. Thời cận đại

c. Thời phục hưng

d. Thời cổ đại

52. Tác phẩm “Thành phố mặt trời” là của tác giả:

a. Nhà không tưởng Pháp Xanh Ximông (1769 - 1825)

b. Nhà không tưởng Ý Tômađô Campanella (1568 – 1639)

c. Nhà không tưởng Pháp S. Phurie (1772 – 1837)

d. Nhà không tưởng Thomas More (1478 – 1535)

53. Những nhà tư tưởng tiêu biểu của chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán đầu thế kỷ XIX là:

a. Grắccơ Babớp, Xanh Ximông, Sáclơ Phuriê

b. Xanh Ximông, Sáclơ Phuriê, G. Mably

c. Xanh Ximông, Sáclơ Phuriê, Rôbớt Ôoen

d. Xanh Ximông, Giăng Mêliê, Rôbớt Ôoen

54. Nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa đã tố cáo quá trình tích luỹ tư bản chủ nghĩa bằng hình ảnh “cừu ăn thịt người” là:

a. Nhà không tưởng Pháp Xanh Ximông (1769 - 1825)

b. Nhà không tưởng Ý Tômađô Campanella (1568 – 1639)

c. Nhà không tưởng Pháp S. Phurie (1772 – 1837)

d. Nhà không tưởng Thomas More (1478 – 1535)

55. Nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa đã nêu ra tư tưởng: “Trình độ giải phóng xã hội được đo bằng trình độ giải phóng phụ nữ”

a. Nhà không tưởng Pháp Xanh Ximông (1769 - 1825)

b. Nhà không tưởng Ý Tômađô Campanella (1568 – 1639)

c. Nhà không tưởng Pháp S. Phurie (1772 – 1837)

d. Nhà không tưởng Thomas More (1478 – 1535)

56. Chủ nghĩa xã hội khoa học theo nghĩa rộng là chủ nghĩa Mác – Lênin vì:

a. Chủ nghĩa xã hội khoa học đã phác thảo ra mô hình chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

b. Chủ nghĩa xã hội khoa học đã luận chứng về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện đại.

c. Chủ nghĩa xã hội khoa học dựa vào triết học, kinh tế chính trị để lý giải tính tất yếu lịch sử của Cách mạng xã hội và hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa gắn liền với vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân.

d. Tất cả các ý trên.

57. Tác phẩm được Lênin đánh giá là “tác phẩm chủ yếu và cơ bản trình bày chủ nghĩa xã hội khoa học” là:

a. Chống Đuyrinh

b. Phê phán cương lĩnh Gôta

c. Tư bản

d. Hệ tư tưởng Đức

58. Câu nói: “Thực hiện sự nghiệp giải phóng thế giới ấy - đó là sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản hiện đại” là:

a. C. Mác

b. Ph. Ăngghen

c. Lênin

d. Hồ Chí Minh

59. Lý thuyết phân kỳ hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa lần đầu tiên được đề cập trong tác phẩm:

a. Nội chiến ở Pháp

b. Tuyên ngôn của Đảng cộng sản

c. Bộ Tư bản

d. Phê phán Cương lĩnh Gôta.

60. Quốc tế cộng sản là tên gọi khác của:

a. Quốc tế I

b. Quốc tế II

c. Quốc tế III

d. Quốc tế IV

61. Khái niệm chuyên chính vô sản được Các Mác dùng lần đầu tiên trong tác phẩm:

a. Đấu tranh giai cấp ở Pháp

b. Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen

c. Phê phán cương lĩnh Gô-ta

d. Tuyên ngôn của Đảng cộng sản

62. Quan niệm: “CNXH là sự phản kháng và đấu tranh chống sự bóc lột người lao động, một cuộc đấu tranh nhằm hoàn toàn xoá bỏ sự bóc lột” là của:

a. C. Mác

b. Ph. Ăngghen

c. S. Phurie

d. V. I. Lênin

63. Giá trị của tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng phê phán:

1. Chỉ ra biện pháp, con đường hiện thực để cải tạo xã hội cũ áp bức, bất công, xây dựng xã hội mới tốt đẹp
2. Thể hiện tinh thần lên án, phê phán chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa đương thời
3. Phát hiện được quy luật vận động và phát triển của xã hội loài người
4. Phát hiện được lực lượng xã hội tiên phong có thể thực hiện cuộc chuyển biến cách mạng từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản.

**BÀI 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN**

1. Xét trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân có vị trí:

a. Là giai cấp nghèo khổ nhất, không có tài sản.

b. Là giai cấp không có tư liệu sản xuất, làm thuê cho các nhà tư bản, bị tư bản bóc lột giá trị thặng dư.

c. Là giai cấp có số lượng đông trong dân cư, luôn đi đầu trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản.

d. Cả ba đều đúng.

2. Theo chủ nghĩa Mác – Lênin, động lực chủ yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa là:

a. Tầng lớp trí thức

b. Giai cấp công nhân

c. Giai cấp nông dân

d. Giai cấp công nhân liên minh giai cấp nông dân

3. Giai cấp công nhân là:

a. Tập đoàn xã hội ổn định; Hình thành và phát triển cùng với nền công nghiêp.; Là lực lượng sản xuất cơ bản, tiên tiến, với tính xã hội hóa ngày càng cao.   
b. Tập đoàn xã hội ổn định; Hình thành và phát triển cùng với nền sản xuất; Là lực lượng sản xuất hiện đại, chủ yếu; Với tính kỷ luật ngày càng cao.  
c. Là tập đoàn xã hội ổng định; Hình thành và phát triển cùng với người lao động; Là lực lượng sản xuất quyết định, với tính tự giác ngày càng cao.

d. Là tập đoàn xã hội ổng định; Hình thành và phát triển cùng với trình độ kỹ thuật; Là lực lượng sản xuất hiện đại, với tính cách mạng ngày càng cao.

4. Giai cấp công nhân là người lao động gắn với nền sản xuất:

a. Nông nghiệp

b. Thủ công nghiệp

c. Nền công nghiệp hiện đại

d. Đại nông nghiệp

5. Điền từ còn thiếu: “Các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, còn........lại là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp”.

a. Giai cấp địa chủ

b. Giai cấp vô sản

c. Giai cấp tư sản

d. Giai cấp tiểu tư sản

6. Điều kiện khách quan quyết định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là:

A. Đông về số lượng.

B. Tạo ra của cải làm giàu cho xã hội.

C. Gắn liền với lực lượng sản xuất tiên tiến.

D. Bị bóc lột nặng nề nhất

7. Giai cấp công nhân là giai cấp triệt để cách mạng bởi vì:

A. Là giai cấp nghèo nhất trong xã hội tư bản.

B. Là giai cấp không có tài sản, đời sống bấp bênh.

C. Là giai cấp không có tư liệu sản xuất , bị bóc lột, giác ngộ, tiên phong cách mạng.

D. Cả ba đều đúng.

8. Những đặc điểm chính trị-xã hội của giai cấp công nhân là :

A. Tiên phong, triệt để cách mạng nhất ; Ý thức tổ chức, kỷ luật cao ; Mang bản chất quốc tế

B . Tiên phong , triệt để cách mạng nhất ; Bị bóc lột giá trị thặng dư ; Đoàn kết nội bộ

C . Tiên phong, triệt để cách mạng nhất; Không có tư liệu sản xuất ; Làm thuê kiếm sống

D . Tiên phong, triệt để cách mạng nhất ; Gắn với nền đại công nghiệp ; Ý thức tổ chức, kỷ luật cao.

9. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp:

A. Chủ nghĩa Mác – Lênin với chủ nghĩa yêu nước.

B. Chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân với chủ nghĩa dân tộc.

C. Chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

D. Chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân.

10. Chủ nghĩa Mác- Lênin là lý luận phản ánh và bảo vệ lợi ích cho giai cấp:

a. Giai cấp địa chủ

b. Giai cấp tư sản

c. Giai cấp công nhân

d. Giai cấp chủ nô

11. Cách mạng xã hội chủ nghĩa là nhằm :

A. Thay thế chế độ TBCN bóc lột, bất công bằng chế độ XHCN dân chủ, công bằng, văn minh, do đội ngũ trí thức lãnh đạo.

B. Thay thế chế độ TBCN lỗi thời, bằng chế độ XHCN, do giai cấp công nhân lãnh đạo, xây dựng xã hội mới, dân chủ, công bằng, văn minh.

C. Thay thế chế độ TBCN lạc hậu, bằng chế độ XHCN, do giai cấp công- nông lãnh đạo; Xây dựng xã hội mới không còn người bóc lột người.

D. Thay thế chế độ TBCN quân chủ, bằng chế độ XHCN dân chủ, do giai cấp tư sản tiến bộ lãnh đạo; xây dựng xã hội mới hiện đại, văn minh.

12. Nguyên nhân sâu xa của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là do :

A. Sự lớn mạnh của giai cấp công nhân.

B. Sự hình thành và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

C. Sự phát triển của lực lượng sản xuất, mâu thuẫn gay gắt với quan hệ sản xuất

D. Giai cấp tư sản đã lỗi thời về phương diện lịch sử.

13. Mục tiêu cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa là:

A. Không còn giai cấp và đấu tranh giai cấp.

B. Không còn khoảng cách giàu nghèo.

C. Nhân dân lao động làm chủ tư liệu sản xuất chủ yếu.

D. Giải phóng xã hội, giải phóng con người

14. Động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa là:

A. Giai cấp công nhân và giai cấp nông dân

B. Giai cấp công nhân mỗi nước và giai cấp công nhân quốc tế

C. Giai cấp công nhân vá các tầng lớp nhân dân khác

D. toàn thể dân tộc bị áp bức, bóc lột

15. Giai cấp công nhân để giải phóng mình và giải phóng nhân dân lao động

thông qua con đường:

a. Biểu tình

b. Đấu tranh nghị viện

c. Cách mạng xã hội chủ nghĩa

d. Bãi công

16. Giai cấp nào không có hệ tư tưởng độc lập là:

a. Giai cấp tư sản

b. Giai cấp địa chủ

c. Giai cấp công nhân

d. Giai cấp nông dân

17. Giai cấp lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa là:

a. Giai cấp chủ nô

b. Giai cáp tư sản

c. Giai cấp nông dân

d. Giai cấp công nhân

18. Mục tiêu trước tiên của cách mạng xã hội chủ nghĩa là:

A. Đập tan nhà nước của giai cấp bóc lột , giành chính quyền, xây dựng chế độ mới

B. Xóa bỏ chế độ phong kiến; giành ruộng đất , xây dựng CNXH

C. Giữ chính quyền; chống đế quốc; xây dựng CNXH

D. Khởi nghĩa giành độc lập dân tộc….; Tăng năng suất lao động.

19. Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng toàn diện, sâu sắc và triệt để nhất trong lịch sử:

a. Vì nó do giai cấp công nhân lãnh đạo

b. Vì nó thủ tiêu chủ nghĩa tư bản

c. Vì nó lôi kéo được đông đảo nhân dân tham gia

d. Vì nó xoả bỏ chế độ tư hữu, thủ tiêu chế độ người bóc lột người

20. Nội dung cách mạng xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực kinh tế thể hiện:

A. Thực hiện phân phối theo lao động, hiện đại hóa đất nước.

B. Không ngừng nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống nhân dân.

C. Đạp tan nhà nước của giai cấp bóc lột; xây dựng CNXH.

D. Xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế thị trường

21. Giai cấp lãnh đạo Cách mạng tư sản là:

a. Giai cấp chủ nô

b. Giai cấp tư sản

c. Giai cấp nông dân

d. Giai cấp công nhân

22. Nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa bao gồm các lĩnh vực :

A . Chính quyền ; dân chủ ; xã hội

B . Kinh tế ; quốc phòng, an ninh ; đối ngoại

C . Chính trị ; kinh tế ; tư tưởng- văn hóa

D . Chính trị ; tinh thần ; đạo dức

23. Sự thay thế xã hội tư bản chủ nghĩa bằng xã hội xã hội chủ nghĩa trong tiến trình lịch sử là một tất yếu vì:

a. Chủ nghĩa tư bản đã lỗi thời

b. Chủ nghĩa tư bản cản trở sự phát triển của nhân loại

c. Theo quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

d. Sự lớn mạnh của giai cấp công nhân

24. Nguyên tắc cơ bản của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng XHCN là phải đảm bảo :

A . Vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản ; Đoàn kết ; công nhân làm nóng cốt

B . Vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân ; Lý luận Mac-Lenin ; cùng có lợi

C . Vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân ; Ý thức cách mạng ; thực tiễn cách mạng

D . Vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân; Tự nguyện; Kết hợp đúng đắn các lợi ích

25. Khi nói “Quá độ lên Chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa” là:

A. Bỏ qua các yếu tố phát triển lực lượng sản xuất gắn với chủ nghĩa tư bản

B. Bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa.

C. Bỏ qua các yếu tố chính trị và văn hóa gắn với sự tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản

D. Cả ba phương án trên đều đúng

26. Giai cấp công nhân Việt Nam sớm trở thành lực lượng chính trị độc lập và giữa vai trò lãnh đạo mạng Việt Nam:

a. Vì sớm có mối quan hệ gắn bó với giai cấp nông dân

b. Vì được kế thừa truyền thống bất khuất của dân tộc

c. Số lượng đông và luôn đi đầu trong các cuộc đấu tranh

d. Vì sớm hình thành một chính Đảng thực sự cách mạng

27. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân được qui định bởi:

a. Địa vị kinh tế - xã hội

b. Đảng cộng sản

c. Đặc điểm nhân cách

d. Yếu tố chủ quan

28. Yếu tố quyết định sự liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức là:

A. Do cùng sống trong một quốc gia dân tộc.

B. Do có những lợi ích cơ bản thống nhất với nhau.

C. Do có chung nền văn hóa, tâm lý.

D. Do sự mong muốn của giai cấp công nhân.

29. Xét ở góc độ chính trị - xã hội, đặc điểm nổi bật của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là:

A. Không còn giai cấp, đấu tranh giai cấp.

B. Không còn nhiều hình thức sở hữu, không còn bóc lột.

C. Sự tồn tại đan xen và đấu tranh trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội giữa nhân tố xã hội mới và tàn tích xã hội cũ.

D. Cả 3 phương án trên đều đúng.

30. Cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới giành được thắng lợi là cuộc cách mạng:

a. Công xã Pari 1871

b. Cách mạng tháng Hai Nga năm 1917

c. Cách mạng Tân Hợi 1911

d. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917

31. Giai cấp công nhân Việt Nam sớm trở thành lực lượng chính trị độc lập và giữ vai trò lãnh đạo Cách mạng Việt Nam là vì :

A. Sớm có mối quan hệ gắn bó với nông dân.

B. Được kế thừa truyền thống bất khuất của dân tộc.

C. Có số lượng đông và luôn đi đầu trong cuộc đấu tranh.

D. Sớm hình thành một chính đảng thực sự cách mạng.

32. Ở các nước tư bản, giai cấp công nhân có đặc điểm:

a. Về cơ bản không có tư liệu sản xuất, phải làm thuê cho giai cấp tư sản và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư

b. Về cơ bản có tư liệu sản xuất

c. Làm thuê cho giai cấp tư sản

d. Các phương án trên đều sai

33. Đảng ta khẳng định con đường phát triển của Cách mạng Việt Nam là quá độ lên chủ nghĩa xã hội không trải qua chế độ tư bản chủ nghĩa, đó là:

A. Vì chúng ta đã có được những cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội.

B. Vì nó phù hợp với đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.

C. Vì nó phù hợp với đặc điểm của đất nước và xu thế phát triển của thời đại.

D. Cả ba đều đúng.

34. Phạm trù được coi là cơ bản nhất, là xuất phát điểm của chủ nghĩa xã hội khoa học:

a. Giai cấp công nhân

b. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

c. Chuyên chính vô sản

d. Xã hội chủ nghĩa

35. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là:

a. Lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xóa bỏ áp bức, bóc lột, xây dựng xã hội mới – xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa

b. Tập hợp các tầng lớp nhân dân lao động, tiến hành đấu tranh cách mạng

c. Đoàn kết với các giai cấp, tầng lớp lao động khác trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản để giải phóng mình

d. Cả ba đáp án trên

36. Sự thay đổi căn bản, toàn diện và triệt để một hình thái kinh tế - xã hội bằng một hình thái kinh tế - xã hội khác được gọi là:

a. Đột biến cách mạng

b. Cách mạng xã hội

c. Cải cách xã hội

d. Tiến bộ xã hội

37. Phát minh của Mác và Ănghen được coi là cơ sở lý luận trực tiếp hình thành nên bộ phận thứ ba trong học thuyết của Mác là:

a. Chủ nghĩa duy vật lịch sử

b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

c. Học thuyết giá trị thặng dư

d. Sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân

38. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp:

a. Chủ nghĩa Mác – Lênin với chủ nghĩa yêu nước.

b. Chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân với chủ nghĩa dân tộc.

c. Chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

d. Chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân.

39. Cách mạng xã hội chủ nghĩa là nhằm:

a. Thay thế chế độ TBCN bóc lột, bất công bằng chế độ XHCN dân chủ, công bằng, văn minh, do đội ngũ trí thức lãnh đạo.

b. Thay thế chế độ TBCN lỗi thời, bằng chế độ XHCN, do giai cấp công nhân lãnh đạo, xây dựng xã hội mới, dân chủ, công bằng, văn minh.

c. Thay thế chế độ TBCN lạc hậu, bằng chế độ XHCN, do giai cấp công- nông lãnh đạo; Xây dựng xã hội mới không còn người bóc lột người.

d. Thay thế chế độ TBCN quân chủ, bằng chế độ XHCN dân chủ, do giai cấp tư sản tiến bộ lãnh đạo; xây dựng xã hội mới hiện đại, văn minh.

40. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện ở:

a. Số lượng đảng viên trong Đảng.

b. Trình độ đảng viên trong Đảng.

c. Nền tảng lý luận, mục tiêu, đường lối, nguyên tắc tổ chức của Đảng.

d. Cả a, b, c đều đúng.

41. Nói đến chất lượng giai cấp công nhân là nói đến:

a. Trình độ khoa học công nghệ.

b. Trình độ giác ngộ lý luận chính trị

c. Trình độ chuyên môn kỹ thuật và kỷ luật lao động.

d. Cả a, b, c đều đúng.

42. Mô hình đầu tiên của chuyên chính vô sản là:

a. Công xã Pari

b. Nhà nước XôViết

c. Nhà nước dân chủ nhân dân

d. Nhà nước XHCN

43. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống. Đảng cộng sản là .. chiến đấu, là bộ tham mưu của giai cấp công nhân, là biểu hiện tập trung phẩm chất, nguyện vọng, trí tuệ của giai cấp công nhân và của dân tộc.

a. Đội tiên phong

b. Lực lượng

c. Cơ sở

d. Cơ quan chỉ huy

44. Đặc điểm ra đời của giai cấp công nhân Việt Nam:

a. Ra đời trước giai cấp tư sản dân tộc trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp.

b. Phần lớn xuất thân từ nông dân.

c. Chịu sự áp bức, bóc lột của đế quốc, phong kiến và tư sản.

d. Các phương án trên đều đúng.

45. Tính tất yếu của cách mạng XHCN trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa là:

a. Xuất phát từ cuộc đấu tranh giai cấp trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa trong thời đại ngày nay

b. Xuất phát từ sự đòi hỏi thay đổi phương thức sản xuất tinh thần

c. Xuất phát từ yêu cầu: Văn hóa là mục tiêu và động lực của quá trình xây dựng CNXH

d. Cả a, b và c

46. Đặc điểm của giai cấp công nhân về lao động trong nền sản xuất đại công nghiệp với hệ thống sản xuất dây chuyển đã hình thành nên tính:

a. Tổ chức, kỷ luật

b. Chính trị

c. Khẩn trương

d. Tinh thần cách mạng

47. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc điểm của giai cấp công nhân thể hiện sự kiên quyết đấu tranh chống chế độ áp bức bóc lột, xoá bỏ chế độ tư hữu là:

a. Không gắn với tư hữu

b. Tinh thần đoàn kết

c. Tính triệt để cách mạng

d. Tính tổ chức, kỷ luật

48. Điền vào chỗ trống để hoàn hiện câu nói của Mác – Ăngghen: “Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều….như nhau”

a. Đồng thời

b. Diễn ra

c. Tất yếu

d. Công bằng

49. Các yếu tố khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là:

a. Địa vị kinh tế - xã hội và đặc điểm chính trị - xã hội

b. Do sự phát triển của lực lượng sản xuất hiện đại

c. Con đẻ của nền đại công nghiệp

d. Tất cả các phương án trên

50. Giai cấp, tầng lớp lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa là:

1. Giai cấp công nhân và nông dân
2. Giai cấp nông dân
3. Tầng lớp tri thức
4. Giai cấp công nhân

51. Cách mạng xã hội chủ nghĩa vẫn là một tất yếu khách quan của tiến trình phát triển lịch sử nhân loại đến khi:

1. Mẫu thuẫn giai cấp vẫn còn
2. Nguyên nhân sâu xa chưa được giải quyết
3. Mâu thuẫn giữa tư sản với vô sản chưa được giải quyết
4. Chế độ xã hội chủ nghĩa chưa được hoàn thiện

52. Nội dung trước tiên của cách mạng xã hội chủ nghĩa là phải giành chính quyền về tay giai cấp công nhân, nhân dân lao động, đưa những người lao động:

1. Thành người quản lý xã hội
2. Lên địa vị làm chủ xã hội
3. Làm chủ tư liệu sản xuất
4. Thành người lao động tập thể
5. Từ thực tiễn cách mạng chỉ ra, giai cấp công nhân phải giác ngộ cách mạng, phải kiên quyết đấu tranh giảnh lấy chính quyền từ tay giai cấp tư sản khi có thời cơ cách mạng, vì:
6. Là mục tiêu cao cả
7. Là yêu cầu bức thiết
8. Chủ nghĩa tư bản không tự sụp đổ
9. Là nội dung cách mạng
10. Giai cấp công nhân có khả năng đoàn kết với giai cấp khác để thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình nhờ có yếu tố:
11. Có tính tổ chức, kỷ luật cao
12. Lợi ích cơ bản thống nhất
13. Chất lượng lao động cao
14. Trình độ khoa học, kỹ thuật cao
15. Nhiệm vụ cơ bản đầu tiên của cách mạng xã hội chủ nghĩa là:
16. Giai cấp công nhân giành lấy chính quyền
17. Phát triển lực lượng sản xuất
18. Xây dựng và hoàn thiện chính quyền nhà nước
19. Tất cả các phương án trên
20. Giai cấp công nhân là giai cấp triệt để cách mạng vì:
21. Là giai cấp thực hiện xoá bỏ mọi chế độ tư hữu
22. Xoá bỏ chủ nghĩa tư bản và xây dựng chủ nghĩa xã hội
23. Là giai cấp không có tư liệu sản xuất
24. Tất cả các phương án trên
25. Cuộc cách mạng vô sản, về cơ bản khác các cuộc cách mạng trước trong lịch sử là:
26. Thủ tiêu sự thống trị của giai cấp thống trị phản động
27. Thủ tiêu nhà nước tư sản
28. Thủ tiêu chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất
29. Thủ tiêu sở hữu tư nhân nói chung
30. Khi chưa giành được chính quyền, hình thức đầu tiên của đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân là đấu tranh:
31. Chính trị
32. Tư tưởng
33. Vũ trang
34. Kinh tế
35. Theo C. Mác, tất cả những phong trào lịch sử, từ trước đến nay, đều là do thiểu số thực hiện, hoặc mưu lợi ích cho thiểu số. Phong trào vô sản mưu lợi ích cho khối đại đa số là phong trào độc lập của:
36. Khối đại đa số
37. Liên minh công - nông
38. Người vô sản
39. Đa số nhân dân
40. Giai cấp công nhân là người lao động gắn liền với nền sản xuất:
41. Công – nông nghiệp
42. Nông nghiệp
43. Đại công nghiệp
44. Thủ công nghiệp
45. Điền từ vào chỗ trống: “Các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, còn. …là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp”
46. Giai cấp nông dân
47. Giai cấp tư sản
48. Giai cấp vô sản
49. Tầng lớp tri thức
50. Chủ nghĩa Mác – Lênin là hệ tư tưởng của giai cấp, tầng lớp:
51. Tầng lớp tri thức
52. Nhân dân lao động
53. Giai cấp nông dân
54. Giai cấp công nhân
55. Để sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân từ khả năng thành hiện thực phải thông qua nhân tố chủ quan, trong đó nhân tố quyết định là:
56. Xây dựng hệ thống chính trị
57. Xây dựng khối liên minh công – nông
58. Thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất
59. Thành lập Đảng Cộng sản
60. Theo C. Mác, bước một thực hiện sứ mệnh của giai cấp công nhân là họ chiếm lấy chính quyền, biến những tư liệu sản xuất thành của:
61. Giai cấp công nhân
62. Công nhân và nông dân
63. Giai cấp nông dân
64. Dân nghèo thành thị
65. Chọn đáp án sai khi nói về giai cấp công nhân hiện nay:
66. Công nhân tri thức
67. Có tri thức và kỹ năng nghề nghiệp
68. Công nhân áo trắng
69. Khi làm việc hao phí sức lực cơ bắp là chủ yếu
70. Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng toàn diện, sâu sắc và triệt để nhất trong lịch sử, vì:
71. Giai cấp công nhân lãnh đạo
72. Xoá bỏ chế độ tư hữu, thủ tiêu chế độ người bóc lột người
73. Lôi kéo được đông đảo nhân dân tham gia
74. Thủ tiêu chủ nghĩa tư bản
75. Giai cấp không có hệ tư tưởng độc lập là:
76. Giai cấp tư sản
77. Giai cấp địa chủ
78. Giai cấp nông dân
79. Giai cấp công nhân
80. Trong các nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động đã trở thành những người làm chủ về:
81. Tư liệu sản xuất chủ yếu
82. Tất cả tư liệu lao động
83. Hầu hết tư liệu sản xuất
84. Tất cả sản phẩm xã hội
85. V. I. Lênin cho rằng, điểm chủ yếu trong học thuyết Mác là ở chỗ nó làm sáng tỏ vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản là:
86. Xây dựng xã hội chủ nghĩa
87. Xoá bỏ quan hệ sản xuất cũ
88. Xoá bỏ chế độ cũ
89. Xoá bỏ giai cấp thống trị
90. Tập đoàn người lao động trực tiếp hay gián tiếp vận hành những công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại là:
91. Người lao động trực tiếp
92. Giai cấp công nhân
93. Người lao động tri thức
94. Người lao động có kỹ thuật

71. Phạm trù trung tâm của chủ nghĩa xã hội là:

a. Giai cấp công nhân

b. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

c. Chuyên chính vô sản

d. Dân chủ xã hội chủ nghĩa

72. Hai phương diện cơ bản của giai cấp công nhân được C.Mác và Ph. Ăngghen xác định là:

a. Văn hóa và xã hội

b. Giáo dục và đào tạo

c Văn hóa và tư tưởng

d. Kinh tế - xã hội và chính trị - xã hội

73. Hoàn thành luận điểm của C.Mác và Ph. Ăngghen: “ Tất cả các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, còn giai cấp vô sản lại là (…) của bản thân nền đại công nghiệp”.

a. Sản phẩm

b Thành tựu

c Kết quả

d Chủ thể

74. Xét về phương diện lao động, phương thức sản xuất, giai cấp công nhân mang thuộc tính cơ bản:

a. Có số lượng đông nhất trong dân cư và trực tiếp hay gián tiếp tạo ra của cải vật chất làm giàu cho xã hội

b. Là giai cấp trực tiếp hay gián tiếp tạo ra của cải vật chất làm giàu cho xã hội

c. Là giai cấp trực tiếp hay gián tiếp vận hành máy móc có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại

d. Là giai cấp không có tư liệu sản xuất nhưng trực tiếp hay gián tiếp tạo ra của cải vật chất làm giàu cho xã hội

75. Thực hiện nội dung văn hóa, tư tưởng, nhiệm vụ trọng tâm của giai cấp công nhân khi thực hiện sứ mệnh lịch sử là phải tập trung xây dựng hệ giá trị mới là:

a. Lao động; dân chủ; bình đẳng , tự do và bác ái

b. Lao động; công bằng, dân chủ; văn minh

c. Lao động; dân chủ, bình đẳng; tự do và bác ái

d. Lao động; công bằng, dân chủ; bình đẳng và tự do

76. Sự khác nhau căn bản giữa giai cấp công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa biểu hiện ở:

a. Phương thức lao động, phương thức sản xuất

b. Quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội

c. Nguồn gốc xuất thân của giai cấp công nhân

d .Sản phẩm lao động của giai cấp công nhân

77. Căn cứ vào địa vị kinh tế - xã hội, giai cấp công nhân là giai cấp tiến nhất vì…

a. Giai cấp công nhân bị giai cấp tư sản áp bức, bóc lột nặng nề

b. Giai cấp công nhân có số lượng đông đảo trong dân cư và lực lượng lao động xã hội

c. Giai cấp công nhân đại biểu cho lực lượng sản xuất hiện đại, cho phương thức sản xuất tiên tiến

d. Giai cấp công nhân có hệ tưởng độc lập, tiên tiến và có đảng cộng sản lãnh đạo

78. Trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân là giai cấp

a. Không có tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động cho giai cấp chủ nô và bị bóc lột

b. Không có tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động cho giai cấp địa chủ và bị bóc lột

c Không có tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động cho giai cấp tư sản và bị bóc lột

d. Có tư liệu sản xuất, phải đóng thuế cho giai cấp tư sản

79. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là gì?

a. Ủng hộ nhân dan lao động xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

b. Ủng hộ giai cấp tư sản xóa bỏ chế độ phong kiến, xây dựng chế độ tư bản chủ nghĩa.

c. Lãnh đạo nhân dân lao động xóa bỏ chế độ chiếm hữu nô lệ, xây dựng chế độ phong kiến.

d. Lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân lao động xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xóa bỏ mọi chế độ áp bức bóc lột và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

80. Chọn cụm từ dưới đây để hoàn thành luận điểm sau: Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân có lợi ích cơ bản (...) với lợi ích của giai cấp tư sản.

a. Thống nhất

b. Phù hợp

c. Đối lập trực tiếp

d. Đối lập gián tiếp

81. Câu nào sau đây là *sai* khi nói về điều kiện để một giai cấp đảm nhận sứ mệnh lịch sử:

a. Đại diện cho 1 tầng lớp trong xã hội

b. Có hệ tư tưởng tiến bộ

c. Có lợi ích về cơ bản phù hợp với lợi ích của đa số trong xã hội

d. Có tổ chức chính đảng dẫn đường

82. Khẳng định tính tất yếu khách quan sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu rõ: “ Trước hết, giai cấp.....sản sinh ra những người đào huyệt chôn chính nó. Sự sụp đổ của giai cấp..... và thắng lợi của giai cấp..... đều là tất yếu như nhau.” Điền câu trả lời chính xác nhất:

a. Vô sản/ tư sản/ công nhân

b. Công nhân/ tư sản/ vô sản

c. Công nhân/ vô sản/ tư sản

d. Tư sản/ tư sản/ vô sản

83. Giai cấp công nhân được xem là con đẻ của:

a. Nền văn minh nhân loại

b. Nền công nghiệp

c. Nền đại công nghiệp

d. Nền nông nghiệp

84. Về chính trị - xã hội, ở các nước tư bản chủ nghĩa, mục tiêu đấu tranh trực tiếp của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là:

a. Đánh đổ phong kiến, đánh đổ đế quốc.

b. Chống bất công và bất bình đẳng xã hội.

c. Lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới

d. Xây dựng Đảng cầm quyền, thực hiện thành công sự nghiệp Công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

85. Về chính trị - xã hội, ở các nước xã hội chủ nghĩa, sứ mệnh của giai cấp Công nhân là:

a. Xây dựng Đảng cầm quyền, thực hiện thành công sự nghiệp Công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

b. Chống bất công và bất bình đẳng xã hội.

c. Đòi quyền tự do, dân sinh, dân chủ và hòa bình.

d. Đánh đổ phong kiến, đánh đổ đế quốc.

86. “Xu hướng trí tuệ hóa đối với công nhân và giai câp công nhân” là:

a. Tri thức hóa

b. Trí thức hóa

c. Tri thức hóa và trí thức hóa

d. Xã hội hóa

87. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong điều kiện thế giới ngày nay trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng trước hết là là cuộc đấu tranh ý thức hệ, đó là:

a. Cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản

b. Cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa Mac-Lênin và Chủ nghĩa tư bản

c. Cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa Mac-Lênin và Chủ nghĩa xã hội

d. Cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội không tưởng và chủ nghĩa tư bản

88. Lực lượng đi đầu trong các cuộc đấu tranh vì hòa bình, hợp tác và phát triển, vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội là:

a. Tầng lớp tri thức và trí thức

b. Phong trào cộng sản và công nhân

c. Giai cấp công nhân

d. Tầng lớp trí thức

89. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã xác định vai trò giai cấp công nhân ở nước ta: “Giai cấp công nhân nước ta có sức mệnh lịch sử to lớn: Là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là ……”. Điền từ thích hợp vào chỗ trống

a. Đảng Cộng sản Việt Nam

b. Đảng Dân chủ Việt Nam

c. Đảng Cộng sản Đông Dương

d. Đảng Lập Hiến Đông Dương

90. Với số lượng đông đảo, có cơ cầu ngành nghề đa dạng, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ công nghiệp ở mọi thành phần kinh tế, với chất lượng ngày càng nâng cao là nguồn nhân lực lao động chủ yếu thuộc giai cấp:

a. Giai cấp tư sản

b. Giai cấp nông dân

c. Giai cấp công nhân

d. Giai cấp vô sản

91. Xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, giáo dục đạo đức cách mạng, rèn luyện lối sống, tác phong công nghiệp, văn minh, hiện đại, xây dựng giá trị văn hóa và con người Việt Nam, hoàn thiện nhân cách - đó là nội dung thuộc lĩnh vực:

a. Con người

b. Chính trị - xã hội

c. Văn hóa - Tư tưởng

d. Kinh tế

92. Sứ mệnh của thế hệ giai cấp công nhân và lao động trẻ ở nước ta là:

a. Chống lại những quan điểm sai trái, những xuyên tạc của các thế lực thù địch, kiên định lý tưởng, mục tiêu và con đường cách mạng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

b. Chống lại những quan điểm đúng về những xuyên tạc của các thế lực phản động, kiên định lý tưởng, mục tiêu và con đường cách mạng độc lập, tự do, dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

c. Chống lại những quan điểm sai trái, những xuyên tạc của các thế lực phản động, kiên định lý tưởng chủ nghĩa xã hội.

d. Kiên định lý tưởng, mục đích và con đường cách mạng độc lập, tự do, dân tộc và chủ nghĩa tư bản.

93. “Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, kiên định các nguyên tắc xây dựng của Đảng” là nội dung của:

a. Đại hội lần thứ X của Đảng

b. Hội nghị lần thứ VI Ban Chấp hành Trung ương khóa X

c. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

d. Hội nghị lần thứ VI Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII

94. Một trong những giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay: a. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân, không ngừng tri thức hóa giai cấp công nhân.

b. Thực hiện chiến lược phát triển giai cấp công nhân phù hợp với công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

c. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong việc lãnh đạo giai cấp công nhân.

d. Đào tạo các công nhân và đội ngũ trí thức, doanh nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

95. Điều kiện tiên quyết bảo đảm thành công của công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là:

a. Sự lớn mạnh của giai cấp công nhân

b. Sức mạnh của liên minh giai cấp

c. Đào tạo và nâng cao trình độ cho giai cấp công nhân

d. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong việc lãnh đạo giai cấp công nhân.

96. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là trách nhiệm của:

a. Đảng Cộng sản Việt Nam.

b. Toàn thể nhân dân Việt Nam.

c. Cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và sự nỗ lực vươn lên của bản thân mỗi người công nhân.

d. Những cá nhân thuộc giai cấp công nhân.

97. Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời vào:

a. Đầu thế kỉ XX

b. Cuối thế kỉ XX

c. Nửa đầu thế kỉ XIX

d. Đầu thế kỉ XXI

98. Điền vào chỗ trống đáp án đúng nhất:

Tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Đảng đã xác định: “..... Việt Nam là một lực lượng to lớn trong xã hội, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp, hoặc sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp.”

a. Nông dân

b. Công dân

c. Giai cấp công nhân

d. Tầng lớp trí thức

99. Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời gắn liền với:  
a. Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam

b. Chế độ phong kiến sụp đổ.

c. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

d. Cách mạng KH-KT lần thứ nhất

100. Câu nào sau đây sai khi nói về đặc điểm chủ yếu của giai cấp công nhân Việt Nam:  
a. Ra đời trước giai cấp vô sản

b. Là lực lượng chính trị tiên phong để lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc

c. Gắn bó mật thiết với nhân dân

d. Có truyền thống yêu nước, đoàn kết và bất khuất chống xâm lược

101. Điền vào chỗ trống:

“ Giai cấp công nhân Việt Nam trung thành với....., với Đảng Cộng sản, với lí tưởng, mục tiêu cách mạng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.”

a. Chủ nghĩa xã hội

b. Chủ nghĩa xã hội không tưởng

c. Chủ nghĩa Mác – Lênin

d. Nhân dân

102. Định nghĩa về giai cấp được Lênin trình bày lần đầu tiên trong tác phẩm:

a. Sáng kiến vĩ đại

b. Một bước tiến, hai bước lùi

c. Những nhiệm vụ trước mắt của chính quyền Xôviết

d. Làm gì

103. Điều kiện để một cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới có thề chuyển biến thành cách mạng vô sản:

a. Có sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân

b. Chính quyền dân chủ nhân dân được củng cố, chuẩn bị những điều kiện thực hiện chuyên chính vô sản.

c. Liên minh công nông được giữ vững và phát triển.

d. Tất cả các ý trên.

104. Giai cấp nông dân không thể lãnh đạo được cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa vì:

a. Họ đông nhưng không mạnh

b. Họ có chính đảng, có phương thức sản xuất tiên tiến

c. Họ không đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến

d. Họ không có chính đảng, họ không đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến

**BÀI 3:**

**CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN**

**CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

1. CNXH được hiểu như là:

a. Một phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống lại áp bức, bất công, chống các giai cấp thống trị.

b. Phong trào đấu tranh của nhân dân lao động.

c. Một chế độ xã hội.

d. Cả a,b và c

2. CNXH là:

a. Là lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bất công.

b. Phong trào đấu tranh của nhân dân lao động.

c. Một chế độ xã hội.

d. Là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bất công.

3. CNXH được hiểu như là:

a. Một chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

b. Là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bất công.

c. là một khoa học - khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

d. Cả a,b và c

4. Hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa bắt đầu và kết thúc khi:

a. Từ khi ĐCS ra đời và xây dựng xong CNXH.

b. Bắt đầu từ thời kỳ quá độ lên CNXH cho đến khi xây dựng xong giai đoạn cao của xã hội cộng sản.

c. Bắt đầu từ giai đoạn cao của xã hội cộng sản và kết thúc ở giai đoạn cao của xã hội cộng sản

d. Cả 3 đều không đúng

5. Đặc điểm nổi bật nhất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là:

a. Tồn tại một nền kinh tế nhiều thành phần trong một hệ thống kinh tế quốc dân thống nhất.

b. Kết cấu giai cấp trong xã hội đa dạng và phức tạp.

c.Tồn tại nhiều yếu tố văn hóa và tư tưởng khác nhau.

d. Tồn tại những yếu tố của xã hội cũ bên cạnh những nhân tố mới của chủ nghĩa xã hội trong mối quan hệ vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau trên tất cả các lĩnh vực.

6. Đặc trưng của giai đoạn CNXH đó là:

a. LLSX phát triển chưa thật sự cao, năng suất lao động còn thấp;

b. Xã hội phân phối theo nguyên tắc: Làm theo năng lực, hưởng theo lao động;

c. Trong xã hội còn nhiều giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau.

d. Cả a,b và c.

7. Theo các nhà nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học, quan niệm thời đại ngày nay là:

a. Quá độ lên chủ nghĩa tư bản từ chế độ phong kiến

b. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ chế độ phong kiến

c. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ chế độ tư bản chủ nghĩa trên phạm vi toàn thế giới mở đầu là cuộc cách mạng tháng Mười Nga

d. Chủ nghĩa xã hội

8. Những đặc trưng, đặc điểm nổi bật của CNCS là một xã hội vô cùng tốt đẹp với:

a. Lực lượng sản xuất phát triển hết sức mạnh mẽ; Xã hội phân phối theo nguyên tắc: làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu.

b. Trong xã hội không còn sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay. Con người có điều kiện phát triển tự do và hoàn thiện.

c. Nhà nước tự tiêu vong, xã hội không còn giai cấp.

d. Cả a,b và c.

9. Chủ nghĩa xã hội khoa học Mác – lênin :

a. Là một học thuyết vạch ra được con đường giải phóng triệt để cho nhân loại cần lao, giải phóng triệt để con người

b. Xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa lý tưởng

c. Đặt mục tiêu giải phóng triệt để giai cấp vô sản, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới

d. Các phương án trên đều đúng

10. Điều kiện ra đời của Chủ nghĩa xã hội:

a. LLSX mâu thuẫn với QHSX trong lòng CNTB

b. GCCN mâu thuẫn với GCTS

c. GCCN giành chính quyền, thiết lập chuyên chính vô sản.

d. Cả a,b và c.

11. Chủ nghĩa xã hội với tư cách là một chế độ xã hội ra đời trên thực tế từ :

a. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam

b. Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917

c. Cách mạng Tân Hợi năm 1911 ở Trung Quốc

d. Cách mạng tư sản Pháp

12. Con đường cách mạng Việt Nam là quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN là một tất yếu, vì:

a. ĐCSVN đã có đường lối đúng đắn

b. Do sự phát triển của lực lượng sản xuất

c. Vì nó phù hợp với đặc điểm của đất nước và xu thế phát triển của thời đại

d. Vì nó đáp ứng được nguyện vọng và mong ước của nhân dân ta

13. Nguyên nhân nào dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu:

a. Quan niệm và vận dụng không đúng đắn về chủ nghĩa xã hội

b. Những sai lầm của Đảng và của những người lãnh đạo cấp cao nhất Đảng cộng sản Liên Xô

c. Sự chống phá của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch bằng “diễn biến hòa bình”

d. Các phương án trên đều đúng

14. Đặc điểm lớn nhất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là:

a. Nhiều thành phần xã hội đan xen tồn tại

b. Lực lượng sản xuất chưa phát triển

c. Năng xuất lao động thấp

d. Từ một nền sản xuất nhỏ là quá độ lên CNXH không qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

15. Lênin chia phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa thành các giai đoạn:

a. Hai giai đoạn chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản

b. Ba giai đoạn: Thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội và giai đoạn cao của hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa

c. Bốn giai đoạn: Thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội phát triển cao và cộng sản chủ nghĩa

d. Tất cả các câu đều sai

16. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là bước quá độ :

a. Quá độ trực tiếp, từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

b. Quá độ gián tiếp, bỏ qua chế độ chủ nghĩa tư bản tiến lên chủ nghĩa xã hội

c. Quá độ gián tiếp, bỏ qua chế độ phong kiến tiến lên chủ nghĩa xã hội

d. Quá độ có qua trung gian

17. Hai kiểu quá độ đi lên Chủ nghĩa xã hội là:

a. Quá độ trực tiếp từ xã hội TBCN lên CNXH và quá độ gián tiếp từ Phong kiến lên CNXH.

b. Quá độ trực tiếp từ xã hội TBCN lên CNXH và quá độ gián tiếp từ xã hội tiền TBCN lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN.

c. Quá độ trực tiếp từ xã hội TBCN lên CNXH và quá độ gián tiếp từ Phong kiến lên CNTB, rồi lên CNXH.

d. Cả a,b và c.

18. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, mâu thuẫn về lợi ích giữa những người lao động làm thuê với tầng lớp tư sản là :

a. Mâu thuẫn đối kháng

b. Mâu thuẫn không đối kháng

c. Mâu thuẫn không cơ bản

d. Mâu thuẫn thứ yếu

19. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ?

a. Bắt đầu từ khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành được chính quyền nhà nước cho đến khi chủ nghĩa xã hội đã tạo ra được những cơ sở của mình trong các lĩnh vực của đời sống xã hội

b. Bắt đầu từ cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới

c. Bắt đầu từ đấu tranh giai cấp

d. Bắt đầu từ sản xuất hàng hóa

20. Phân phối theo lao động là hình thức phân phối cơ bản của xã hội:

a. Xã hội tư bản chủ nghĩa

b. Xã hội xã hội chủ nghĩa

c. Xã hội cộng sản chủ nghĩa

d. Các phương án trên đều sai

21. Tác phẩm được xem là đánh dấu cho sự chín muồi của tư tưởng xã hội chủ nghĩa của C. Mác và Ăng-ghen:

a. Gia đình thần thánh (1845)

b. Hệ tư tưởng Đức (1845)

c. Tuyên ngôn của Đảng cộng sản (1848)

d. Không có phương án nào đúng

22. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa cần phải kế thừa các yếu tố của chủ nghĩa tư bản:

a. Những thành tựu khoa học – công nghệ.

b. Khoa học quản lý…buôn bán, hạch toán kinh tế, kinh doanh của của chủ nghĩa tư bản

c. Thị trường, vốn…

d. Các phương án trên đều đúng

23. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là tất yếu đối với:

a. Các nước bỏ qua chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội

b. Các nước tư bản chủ nghĩa kém phát triển lên chủ nghĩa xã hội

c. Tất cả các nước đi lên chủ nghĩa xã hội

d. Các phương án trên đều sai

24. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân có đặc trưng chủ yếu nhất bằng thuộc tính là:

a. Là những người lao động trực tiếp hoặc gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hóa cao

b. Là những người không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất

c. Là những người bị bóc lột giá trị thặng dư

d. Là những người có sức khỏe tốt nhất

25. Thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là:

a. Là cuộc cải biến cách mạng về kinh tế

b. Là cuộc cải biến cách mạng về chính trị

c. Là cuộc cải biến cách mạng về tư tưởng và văn hóa

d. Các phương án trên đều đúng

26. Chọn đáp án sai, xác lập chuyên chính vô sản trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:

a. Để trấn áp bằng bạo lực mưu toan phục hồi chính quyền tư sản của các giai cấp bóc lột.

b. Để thực hiện sự lãnh đạo chính trị đối với các giai cấp và tầng lớp trung gian không thể tự mình tiến lên chủ nghĩa xã hội được.

c. Để tổ chức xây dựng những quan hệ kinh tế, xã hội mang tính xã hội chủ nghĩa. Những quan hệ này không tự phát ra đời trong lòng chủ nghĩa tư bản.

d. Để thủ tiêu hoàn toàn các tập quán và tàn tích của chủ nghĩa tư bản.

27. Điền từ còn thiếu vào câu: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người…….”

a. Chủ nghĩa cộng sản

b. Chủ nghĩa xã hội

c. Xã hội chủ nghĩa

d. Chủ nghĩa xã hội khoa học

28. Dự báo thuộc về giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa:

a. Đến giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa loài người vẫn chưa thể hoàn toàn thoát khỏi những tàn tích của cộng sản chủ nghĩa

b. Dân tộc vẫn còn nhưng không còn phụ thuộc vào vấn đề giai cấp, không còn là một bộ phận của vấn đề giai cấp nữa.

c. Vẫn còn các giai cấp, trong đó giai cấp vô sản là giai cấp thống trị xã hội

d. Đến giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa thì xã hội đã phát triển trên cơ sở của chính nó, nhưng vẫn còn pháp quyền tư sản.

29. Hệ thống xã hội chủ nghĩa được hình thành trong giai đoạn:

a. Từ sau 1945 - đầu những năm 70

b. Từ cuối những năm 70 - cuối những năm 80

c. Từ 1917 – 1945

d. Từ trước 1945 - đầu những năm 80

30. Đặc điểm cơ bản nhất của nước ta khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là:

a. Từ một nền sản xuất nhỏ là phổ biến quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua chế độ tư bản chủ nghĩa

b. Tồn tại nhiều phong tục, tập quán lạc hậu

c. Nhân dân có truyền thống lao động cần cù, sáng tạo

d. Các thế lực thù địch thường xuyên chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta

31. Những biểu hiện cơ bản của tư tưởng xã hội chủ nghĩa là:

a. Là ước mơ, nguyện vọng về một xã hội ai cũng có việc làm, ai cũng có lao động.

b. Là quan niệm về một chế độ xã hội mà tư liệu sản xuất đều thuộc về mọi thành viên của xã hội.

c. Là những tư tưởng về một xã hội, trong đó mọi người đều bình đẳng, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc

d. Các phương án trên đều đúng

32. Thời đại ngày nay có những mâu thuẫn cơ bản:

a. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội

b. Mâu thuẫn giữa tư bản và lao động

c. Mâu thuẫn giữa các nước tư bản với các nước nghèo chậm phát triển mới giành được độc lập và Mâu thuẫn giữa các nước tư bản đế quốc với nhau

d. Các phương án trên đều đúng

33. Khi nói “Quá độ lên Chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa” là:

A. Bỏ qua các yếu tố phát triển lực lượng sản xuất gắn với chủ nghĩa tư bản.

B. Bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa.

C. Bỏ qua các yếu tố chính trị và văn hóa gắn với sự tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản.

D. Cả ba phương án trên đều đúng.

34. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa là:

a. Là hệ thống những quan niệm phản ánh nhu cầu, ước mơ của các giai cấp và tầng lớp lao động về một xã hội tốt đẹp.

b. Là những thành tựu trên các lĩnh vực mà loài người đã đạt được nhằm nâng cao đời sống con người.

c. Là những tác phẩm văn học phản ánh đời sống hiện thực của những người lao động nghèo.

d. Các phương án trên đều đúng

35. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thuộc tính nói lên đặc trưng chủ yếu nhất của giai cấp công nhân là:

a. Là những người lao động trực tiếp hoặc gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hóa cao

b. Là những người không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất

c. Là những người bị bóc lột giá trị thặng dư

d. Các phương án trên đều đúng

36. Các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước Mác có hạn chế cơ bản:

a. Không chủ trương xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất

b. Không chủ trương xóa bỏ chế độ người bóc lột người

c. Không phát hiện được lực lượng xã hội để sáng tạo ra xã hội mới

d. Mong muốn thực hiện chế độ bình quân trong phân phối

37. Việc phát triển lực lượng sản xuất, tiến hành công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm xuyên suốt trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam hiện nay, vì:

a. Đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp hiện đại.

b. Nâng Việt Nam lên ngang tầm với các nước trên thế giới.

c. Đoạn tuyệt với nền kinh tế tiểu nông lạc hậu.

d. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNXH, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân

38. “Với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ Xô Viết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”. Luận điểm trên được Lênin đưa ra vào thời kỳ:

a. Trước cách mạng dân chủ tư sản Tháng Hai năm 1917

b. Trước cách mạng Tháng Mười Nga

c. Sau cách mạng Tháng Mười Nga

d. Các phương án trên đều sai

39. Nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu:

a. Quan niệm và vận dụng không đúng đắn về chủ nghĩa xã hội

b. Những sai lầm của Đảng và của những người lãnh đạo cấp cao nhất Đảng cộng sản Liên Xô

c. Sự chống phá của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch bằng “diễn biến hòa bình”

d. Các phương án trên đều đúng

40. Thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là:

a. Là cuộc cải biến cách mạng về kinh tế

b. Là cuộc cải biến cách mạng về chính trị

c. Là cuộc cải biến cách mạng về tư tưởng và văn hóa

d. Các phương án trên đều đúng

41. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là bước quá độ:

a. Quá độ trực tiếp, từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

b. Quá độ gián tiếp, bỏ qua chế độ chủ nghĩa tư bản tiến lên chủ nghĩa xã hội

c. Quá độ gián tiếp, bỏ qua chế độ phong kiến tiến lên chủ nghĩa xã hội

d. Quá độ có qua trung gian

42. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước ta bắt đầu từ khi:

a. 1945

b. 1954

c. 1975

d. 1930

43. Quan điểm của Lênin về chủ chương, biện pháp lớn cần thực hiện trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của nước Nga nói riêng và các nước chậm phát triển nói chung. Chọn đáp án sai.

a. Cần duy trì sự tồn tại nhiều thành phần kinh tế

b. Phải tiến hành cuộc cách mạng văn hoá

c. Cần duy trì sự tồn tại của kinh tế hàng hoá

d. Buộc nông dân vào làm ăn tập thể để tiến lên chủ nghĩa xã hội

44. Liên Xô và Đông Âu đã có thời gian từng được gọi là:

a. Pháo đài bất khả chiến bại

b. Chiếc cối xay thịt

c. Thành trì xã hội chủ nghĩa

d. Tất cả phương án trên

45. Sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu làm cho:

a. Tính chất và nội dung của thời đại ngày nay thay đổi

b. Tính chất và nội dung của thời đại ngày nay không thay đổi

c. Mâu thuẫn thời đại thay đổi

d. Xu hướng thời đại thay đổi

46. CNXH bắt đầu rơi vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng trong giai đoạn:

a. Từ 1917 đến 1945

b. Từ 1945 đến đầu những năm 70

c. Từ những năm 70 đến cuối những năm 80

d. Từ đầu những năm 90 đến nay

47. Mục tiêu giai đoạn thứ nhất của cách mạng XHCN là:

a. Giải phóng con người, giải phóng xã hội

b. Giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động

c. Xóa bỏ bóc lột đem lại đời sống ấm no cho nhân dân

d. Các phương án trên đều đúng

48. Trong những mâu thuẫn cơ bản của thời đại ngày nay, mâu thuẫn nổi bật, xuyên suốt, mang tính toàn cầu là:

a. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản

b. Mâu thuẫn giữa tư bản và lao động

c. Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với chủ nghĩa đế quốc

d. Mâu thuẫn giữa các nước tư bản với nhau

49. Người đặt ra vấn đề sử dụng và học tập các kinh nghiệm của chủ nghĩa tư bản để cải tạo nền kinh tế tiểu nông, lạc hậu là:

a. C. mác

b. Ph. Ănghen

c. Lênin

d. Stalin

50. Mâu thuẫn cơ bản nhất của thời đại ngày nay là mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. Mâu thuẫn này xuất hiện từ thời điểm:

a. Sau khi học thuyết Mác ra đời (1848)

b. Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai (1945)

c. Từ sau cách mạng tháng Mười Nga (1917)

d. Từ sau khi Liên Xô sụp đổ

1. Trên lĩnh vực kinh tế, thời kỳ quá độ là thời kỳ tất yếu còn tồn tại một hệ thống kinh tế quốc dân thống nhất với một nền kinh té:
2. Nhiều chủ thể kinh tế tham gia
3. Sở hữu nhà nước và tập thể
4. Quy mô ngày càng lớn
5. Nhiều thành phần
6. Chủ nghĩa xã hội từng bước tiến tới thực hiện mục tiêu cao cả nhất, biến con người từ vương quốc tất yếu sang:
7. Vương quốc của dân chủ
8. Vương quốc của hoà bình
9. Vương quốc của tự do
10. Vương quốc hạnh phúc
11. C. Mác đã nói về giai đoạn thấp của xã hội cộng sản chủ nghĩa, là một xã hội vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa, do đó về mọi phương diện đều:
12. Còn rất lạc hậu về kinh tế
13. Còn mang dấu vết xã hội cũ
14. Chức thực sự hoàn thiện
15. Chưa thật sự văn minh
16. Tính tất yếu của thời kỳ quá độ là do cần phải có thời gian để xây dựng các quan hệ xã hội của xã hội chủ nghĩa, vì trong lòng chủ nghĩa tư bản các quan hệ đó:
17. Chỉ mới là mầm mống
18. Không tự nhiên xuất hiện
19. Tự nảy sinh, tự phát và sơ khai
20. Đã bắt đầu hình thành
21. Đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội là:
22. Do nhân dân lao động làm chủ
23. Tất cả tư liệu sản xuất của xã hội đều là sở hữu chung
24. Khả năng đoàn kết phong trào công nhân quốc tế
25. Tập hợp nhân dân lao động chống lại chủ nghĩa tư bản
26. Theo NEP (Chính sách kinh tế mới) của V. I. Lênin trong thời kỳ quá độ về kinh tế cần coi trọng các quan hệ kinh tế:
27. Hàng hoá – tiền tệ
28. Tiểu thủ công nghiệp
29. Công nghiệp
30. Nông nghiệp
31. Trong thời kỳ quá độ, kết cấu giai cấp xã hội đa dạng gồm giai cấp công nhân, nông dân, tầng lớp tri thức là:
32. Một bộ phận giai cấp tư sản
33. Những người sản xuất nhỏ
34. Những tầng lớp lao động khác
35. Tất cả các phương án trên

58. Sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự trưởng thành của giai cấp công nhân là tiền đề, điều kiện cho sự ra đời của:

a. Hình thái kinh tế xã hội tư bản chủ nghĩa

b. Hình thái kinh tế - xã hội xã hội chủ nghĩa

c. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản nguyên thuỷ

d. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

59. Điều kiện ra đời CNXH:

a. Điều kiện kinh tế

b. Điều kiện chính trị xã hội

c. Điều kiện chính trị- kinh tế

d. Điều kiện kinh tế, điều kiện chính trị- xã hội.

60. CNXH là chế độ xã hội do:

a. Nhân dân lao động làm chủ

b. Công nhân lao động làm chủ

c. Nhà nước làm chủ

d. Đảng làm chủ lãnh đạo.

61. Điền vào chỗ trống: “ CNXH có…mang bản chất giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực, và ý chí của nhân dân lao động.”

a. Nhà nước

b. Đảng Cộng Sản

c. Nhà nước kiểu mới

d. Nhà nước kiểu cũ

62. “Từ CNTB, nhân loại chỉ có thể tiến thẳng lên CNXH, nghĩa là lên chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất và chế độ phân phối sản phẩm theo lao động của mỗi người”, quan điểm này là của:

a. C. Mác

b. Ph.Ăngghen

c. V.I. Lênin

d. Chủ nghĩa Mác – Lênin

63. “Bước thứ nhất trong cuộc cách mạng công nhân là giai cấp vô sản biến thành giai cấp thống trị, là giành lấy dân chủ”, quan điểm này là của:

a. C. Mác và Ph.Ăngghen

b. Ph.Ăngghen và V.I. Lênin

c. V.I.Lênin và C. Mác

d. Chủ nghĩa Mác – Lênin

64. Điền vào chỗ trống “Các nhà sáng lập CNXHKH đã khẳng định: Trong CNXH phải thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản, nhà nước kiểu mới mang bản chất của giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của……”

a. Nhân dân

b. Công nhân lao động

c. Quần chúng nhân dân

d. Nhân dân lao động.

65. “Trong giai đoạn đầu của XHCSCN, CNXH không thể ngay lập tức thủ tiêu chế độ tư hữu”, quan điểm này là của:

a. C. Mác

b. Ph.Ăngghen

c. V.I. Lênin

d. Hêghen

66.. Cách mạng vô sản là cuộc cách mạng của:

a. Giai cấp công nhân

b. Giai cấp nhân dân

c. Giai cấp công nhân và nhân dân lao động

d. Giai cấp nhân lao động.

67. Điền vào chỗ trống “Theo V.I. Lê Nin, chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản là một chính quyền do giai cấp vô sản giành được và duy trì bằng…..đối với giai cấp tư sản.”

a. Bạo lực

b. Pháp luật

c. Kỉ luật

d. Quyền lực.

68. So với các hình thái kinh tế - xã hội đã xuất hiện trong lịch sử, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa có sự khác biệt về chất:

a. Không có giai cấp đối kháng, con người từng bước trở thành tự do

b. Con người chưa phát triển toàn diện

c. Con người bị hạn chế về nhận thức

d. Giai cấp tư sản, vô sản vẫn xảy ra mâu thuẫn

69. Điền từ vào chỗ trống để hoàn thành luận điểm của C. Mác: “ Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là (…) và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn nền chuyên chính cách mạng giai cấp vô sản.”

a. Thời kỳ quá độ chính trị

( ) Thời kỳ cải biến nền văn hóa cũ

( ) Thời kỳ khó khăn, phức tạp và lâu dài

( ) Thời kì phát triển kinh tế thị trường

70. Luận điểm nào dưới đây là không đúng:

a. Chế độ xã hội chủ nghĩa là một xã hội tốt đẹp, không còn bất công, tàn ác, xóa bỏ hình thức sở hữu

b. Chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội tất yếu phải trải qua thời kỳ quá độ chính trị

c. Chủ nghĩa xã hội là giai đoạn đầu của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa

d. Thời kỳ quá độ là thời kỳ đan xen giữa yếu tố xã hội cũ và những nhân tố của xã hội mới

71. Cuộc đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội diễn ra trong điều kiện mới là giai cấp công nhân đã:

a. Giành được chính quyền

b. Chưa giành được chính quyền

c. Giành quyền được thống trị về mặt kinh tế

d. Giành quyền được thống trị về mặt chính trị

72. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội về mặt tư tưởng, văn hóa là:

a. Các yếu tố tư tưởng, văn hóa cũ và mới tồn tại đen xen nhau

b. Chỉ tồn tại tư tưởng, văn hóa vô sản

c. Chỉ tồn tại tư tưởng, văn hóa tư sản

d. Tồn tại các yếu tố tư tưởng, văn hóa thuần nhất

73. Nước Việt Nam đã tiến lên CNXH trong điều kiện:

a. Vừa thuận lợi vừa khó khăn

b. Thù trong giặc ngoài

c. Tương đối khó khăn

d. Tương đối thuận lợi

74. Điền từ thích hợp vào chỗ trống. Cương lĩnh năm 1930 đã chỉ rõ: “Sau khi hoàn thành cách mạng …… nhân dân, sẽ tiến lên CNXH.”

a. Dân tộc, dân chủ

b. Cải cách, cải tạo

c. Khoa học, hiện đại

d. Vô sản, trí thức

75. Để quá độ lên CNXH nước ta đã bỏ qua hình thái xã hội:

a. Tư bản chủ nghĩa

b. Phong kiến

c. Xã hội chủ nghĩa

d. Quân chủ lập hiến

76. Đặc trưng về mục tiêu, bản chất, nội dung được nêu lên trong “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH”(bổ sung, phát triển năm 2011) là:

a. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

b. Độc lập, tự do, hạnh phúc

c. Bình đẳng, bác ái

d. Tự cường, tự chủ

77. Đại hội mà nhận thức của Đảng ta về CNXH và con đường phát triển của cách mạng nước ta mới dừng ở mức độ định hướng:

a. Đại hội IV (1976)

b. Đại hội VII (1991)

c. Đại hội X (2006)

d. Đại hội V (1982)

78. Đâu *không phải* là đặc trưng của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (1991):

a. Nhà nước nắm quyền điều hành bộ máy chính trị định hướng phát triển của xã hội

b. Do nhân dân lao động làm chủ

c. Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại

d. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới

79. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (1991) đã khẳng định đất nước ở thời kỳ người làm chủ là:

a. Nhân dân lao động

b. Nhà nước

c. Tầng lớp tri thức

d. Công nhân

80. Phương hướng đầu tiên mà Đảng ta đã xác định trong “Đại hội XI” là:

a. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

b. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN

c. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến,đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân

d. Đảm bảo vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

81.“Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước hiện đại gắn liền với phát triển nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ quan trọng trong việc xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay, vì:

a. Nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của CNXH,giúp nâng cao năng suất lao động và cải thiện đời sống nhân dân

b. Đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp hóa-hiện đại hóa hội nhập với thế giới

c. Nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động mang lại tinh thần hăng hái trong sản xuất giúp đẩy mạnh sự phát triển kinh tế của đất nước

d. Dần chuyển giao giữa nền kinh tế nông nghiệp trở thành nền kinh tế công nghiệp hiện đại, phát triển đất nước

82. Điền từ thích hợp vào chỗ trống: “Thực hiện chính sách…,củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh”- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ CNXH(1991).

a. Đại đoàn kết dân tộc

b. Toàn Đảng toàn dân

c. Kiên cường bất khuất

d. Công nghiệp hóa-hiện đại hóa

83. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa bắt đầu và kết thúc khi:

a. Từ khi Đảng cộng sản ra đời và xây dựng xong chủ nghĩa xã hội.

b. Bắt đầu từ thời kỳ quá độ cho đến khi xây dựng xong giai đoạn cao của xã hội cộng sản

c. Bắt đầu từ giai đoạn cao của xã hội cộng sản và kết thúc ở giai đoạn cao của xã hội cộng sản.

d. Cả ba ý trên đều không đúng

84. “Tôi coi sự phát triển của những hình thái kinh tế xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên” là của:

a. C. Mác

b. Ph.Ăngghen

c. V.I. Lênin

d. Hêghen

85. Con đường cách mạng Việt Nam là quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là một tất yếu, vì:

a. Đảng cộng sản Việt Nam đã có đường lối đúng đắn

b. Do sự phát triển của lực lượng sản xuất

c. Nó phù hợp với đặc điểm của đất nước và xu thế phát triển của thời đại

d. Nó đáp ứng được nguyện vọng và mong ước của nhân dân ta

86. Cơ sở để xác định thời đại và phân chia thời đại là:

a. Hình thái kinh tế - xã hội và vị trí của một giai cấp đứng ở vị trí trung tâm

b. Vị trí của một giai cấp đứng ở vị trí trung tâm

c. Sự phát triển của lực lượng sản xuất và một quan hệ sản xuất phù hợp

d. Cách mạng xã hội chủ nghĩa do giai cấp công nhân lãnh đạo thành công

87. Tính chất của thời đại ngày nay là:

a. Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

b. Thời kỳ xây dựng những tiền đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội cho chủ nghĩa xã hội

c. Diễn ra cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới.

d. Giai cấp công nhân và nhân dân lao động tiến hành đấu tranh giành chính quyền đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

**BÀI 4:**

**DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC**

**XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

1. Phạm trù dân chủ xuất hiện từ khi:

a. Có xã hội loài người

b. Có nhà nước vô sản

c. Có nhà nước

d. Có Đảng cộng sản

2. Đặc trưng cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, khác các nền dân chủ đã có trong lịch sử:

a. Là nền dân chủ rộng rãi không có giới hạn

b. Là nền dân chủ của người lao động

c. Là nền dân chủ của mọi giai cấp, tầng lớp xã hội

d. Là nền dân chủ không có tính giai cấp

3. Dân chủ với tư cách là một chế độ nhà nước thể hiện:

a. Quyền lực thuộc về giai cấp công nhân.

b. Quyền lực thuộc về giai nông dân

c. Quyền lực thuộc về giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức

d. Quyền lực thuộc về nhân dân.

4. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có cơ sở kinh tế là:

a. Chế độ sở hữu hỗn hợp về tư liệu sản xuất.

b. Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất.

c. Chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu

d. Chế độ quản lý và phân phối công bằng, hợp lý

5. Cơ sở ra đời của Nhà nước trong thực tế lịch sử là do:

a. Yêu cầu tổ chức, tập hợp lực lượng chống thiên tai, địch họa.

b. Yêu cầu tập hợp lực lượng đấu tranh bảo vệ tổ quốc.

c. Yêu cầu của đấu tranh giai cấp, là công cụ của giai cấp cầm quyền.

d. Yêu cầu của quản lý xã hội, mở rộng hợp tác quốc tế.

6. Kiểu nhà nước đầu tiên trong lịch sử:

a. Nhà nước phong kiến

b. Nhà nước chủ nô

c. Nhà nước tư sản

d. Nhà nước vô sản

7. Nhà nước ra đời là do :

a. Cuộc đấu tranh giai cấp không điều hòa

b. Nhu cầu của việc chống giặc ngoại xâm

c. Nhu cầu của việc phát triển trồng trọt và chăn nuôi

d. Các phương án trên đều đúng

8. Kiểu nhà nước được V.I.Lênin gọi là nhà nước "nửa nhà nước" là:

a. Nhà nước chủ nô

b. Nhà nước phong kiến

c. Nhà nước tư sản

d. Nhà nước xã hội chủ nghĩa

9. Đến một giai đoạn mà xã hội không còn giai cấp, không còn đấu tranh giai cấp thì:

a. Nhà nước vẫn còn tồn tại

b. Nhà nước tự tiêu vong

c. Nhà nước phát triển

d. Nhà nước phồn thịnh

10. Nhà nước là :

a. Tổ chức chính trị của giai cấp thống trị về kinh tế nhằm bảo vệ trật tự hiện hành và đàn áp sự phản kháng của các giai cấp khác

b. Tổ chức chính trị đứng trên các giai cấp nhằm bảo vệ tất cả các giai cấp

c. Tổ chức chính trị của giai cấp thống trị về kinh tế nhằm bảo vệ trật tự hiện hành và bảo vệ lợi ích của tất cả các giai cấp khác

d. Các phương án trên đều sai

11. Chức năng cơ bản của nhà nước xã hội chủ nghĩa là :

a. Bạo lực trấn áp kẻ thù và tổ chức, xây dựng xã hội mới về mọi mặt.

b. Giành chính quyền và xây dựng lực lượng cách mạng.

c. Tập hợp quần chúng nhân dân làm cách mạng và củng cố quyền lực chính trị.

d. Phát triển kinh tế và mở rộng quan hệ đối ngoại.

12. Đến một giai đoạn mà xã hội không còn giai cấp, không còn đấu tranh giai cấp thì:

a. Nhà nước vẫn còn tồn tại

b. Nhà nước tự tiêu vong

c. Nhà nước phát triển

d. Nhà nước phồn thịnh

13. Nhà nước là :

a. Tổ chức chính trị của giai cấp thống trị về kinh tế nhằm bảo vệ trật tự hiện hành và đàn áp sự phản kháng của các giai cấp khác

b. Tổ chức chính trị đứng trên các giai cấp nhằm bảo vệ tất cả các giai cấp

c. Tổ chức chính trị của giai cấp thống trị về kinh tế nhằm bảo vệ trật tự hiện hành và bảo vệ lợi ích của tất cả các giai cấp khác

d. Các phương án trên đều sai

14. Tư tưởng dân chủ xuất hiện khi

a. Ngay từ khi có xã hội loài người

b. Khi có nhà nước vô sản

c. Khi có nhà nước

d. Cả a, b và c

15. Loài người đã trải qua các hình thức cộng đồng từ thấp đến cao:

a. Thị tộc, bộ lạc, bộ tộc và dân tộc

b. Thị tộc, bộ tộc, bộ lạc và dân tộc

c. Bộ tộc, thị tộc, bộ lạc và dân tộc

d. Thị tộc, bộ tộc, dân tộc và bộ lạc

16. So với các nền dân chủ trước đây, dân chủ XHCN có điểm khác biệt:

a. Không còn mang tính giai cấp

b. Là nền dân chủ phi lịch sử.

c. Là nền dân chủ thuần túy.

d. Là nền dân chủ rộng rãi cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động

17. Chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa là chế độ:

a. Cho tuyệt đại đa số nhân dân lao động

b. Của giai cấp tư sản.

c. Của giai cấp công nhân

d. Của tiểu tư sản

18. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: “ Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ, nhân dân có quyền lợi, thì phải có …… làm tròn bổn phận công dân” ( HCM)

a. Trách nhiệm

b. Trình độ để

c. Nghĩa vụ

d. khả năng để

19. Chức năng cơ bản của nhà nước là:

a. Chức năng kinh tế

b. Chức năng văn hoá và tư tưởng

c. Chức năng đối nội, chức năng đối ngoại

d. Chức năng chính trị

20. Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền mang bản chất:

a. Giai cấp nông dân, tính nhân dân và tính dân tộc

b. Giai cấp tư sản, tính nhân dân và tính dân tộc

c. Giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc

d. Tính nhân dân rộng rãi

21. Bản chất chính trị của nền dân chủ XHCN thể hiện:

a. Là sự lãnh đạo của giai cấp CN thông qua Đảng của nó đối với toàn XH, để thực hiện quyền lực và lợi ích của toàn thể NDLĐ, trong đó có giai cấp CN.

b. Là thực hiện quyền lực của giai cấp CN và nhân dân lao động đối với toàn XH.

c. Là sự lãnh đạo của giai cấp CN thông qua chính đảng của nó để cải tạo XH cũ và xây dựng XH mới.

d. Cả a,b,c

22. Sự khác biệt cơ bản của nền dân chủ XHCN với các nền dân chủ của các XH có phân chia giai cấp trong lịch sử nhân loại:

a. Nền dân chủ XHCN là nền dân chủ của số đông, của tất cả quần chúng nhân dân lao động trong XH.

b. Nền dân chủ XHCN là nền dân chủ có tổ chức đảng cộng sản lãnh đạo.

c. Nền dân chủ XHCN là nền dân chủ được thực thi bằng luật pháp nhân dân.

d. Nền dân chủ XHCN là nền dân chủ phi giai cấp.

23. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở nước ta hiện nay cần:

a. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng

b. Dân chủ hoá tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước

c. Xây dựng hệ thống pháp luật hoàn chỉnh

d. Các phương án trên đều đúng

24. Đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay là:

a. Đổi mới mục tiêu, con đường XHCN

b. Đổi mới nội dung, phương hướng hoạt động, tổ chức cán bộ và quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị.

c. Thay đổi hệ thống tư duy lý luận.

d. Bao gồm ba đáp án trên

25. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa cần phải kế thừa yếu tố nào của chủ nghĩa tư bản:

a. Những thành tựu khoa học – công nghệ.

b. Khoa học quản lý…buôn bán, hạch toán kinh tế, kinh doanh của của chủ nghĩa tư bản

c. Thị trường, vốn…

d. Các phương án trên đều đúng

26. Điền từ vào chỗ trống: Nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi và tính …………sâu sắc

a. Giai cấp

b. Nhân đạo

c. Dân tộc

d. Cộng đồng

27. Tổ chức đóng vai trò trụ cột trong hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay:

a. Đảng CS Việt Nam

b. Mặt trận tổ quốc

c. Nhà nước XHCN

d. Các đoàn thể nhân dân

28. So với các nền dân chủ trước đây, dân chủ xã hội chủ nghĩa có điểm khác biệt cơ bản nào?

a. Không còn mang tính giai cấp

b. Là nền dân chủ phi lịch sử

c. Là nền dân chủ tuyệt đối

d. Là nền dân chủ rộng rãi cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động

29. Bản chất chính trị của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa thể hiện như thế nào?

a. Là sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đảng của nó đối với toàn xã hội, để thực hiện quyền lực và lợi ích của toàn thể nhân dân lao động, trong đó có giai cấp công nhân.

b. Là thực hiện quyền lực của giai cấp công nhân và nhân dân lao động đối với toàn xã hội.

c. Là sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính đảng của nó để cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới.

d. Các phương án trên đều đúng

30. Theo Đảng ta cấu trúc cơ bản của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa bao gồm:

a. Đảng cộng sản, nhà nước.

b. Đảng cộng sản Việt Nam, nhà nước xã hội chủ nghĩa, các tổ chức xã hội chính trị.

c. Đảng cộng sản, nhà nước, hệ thống pháp luật

d. Cả ba đều đúng

31. Đâu là đặc trưng cơ bản của nhà nước xã hội chủ nghĩa?

a. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là công cụ cơ bản để thực hiện quyền lực của nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.

b. Nhà nước xã hội chủ nghĩa vì lợi ích của giai cấp công nhân, trấn áp kẻ chống đối, phá hoại Đảng cộng sản

c. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là kiểu nhà nước nguyên nghĩa

d. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước lôi cuốn giai cấp công nhân lãnh đạo, quản lý xã hội

32. Trong quá trình đổi mới và thực thi dân chủ của nước ta hiện nay, nhiệm vụ được xem là khó khăn, phức tạp, nhạy cảm nhất hiện nay là:

a. Xóa đói giảm nghèo

b. Cải cách giáo dục.

c. Chống tham nhũng

d. Trật tự an toàn giao thông.

33. Bản chất của nhà nước XHCN là:

a. Mang bản chất của giai cấp CN.

b. Mang bản chất của đa số NDLĐ.

c. Mang bản chất của giai cấp CN, tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.

d. Vừa mang bản chất của giai cấp CN, vừa mang bản chất của NDLĐ và tính dân tộc sâu sắc.

34. Nhà nước pháp quyền XHCN quản lý mọi mặt của đời sống XH chủ yếu bằng:

a. Đường lối, chính sách

b. Tuyên truyền, giáo dục.

c. Hiến pháp, pháp luật

d. bao gồm a.b.c

35. Bản chất kinh tế của nền dân chủ XHCN dựa trên cơ sở nào:

a. Chế độ chính trị của giai cấp công nhân.

b. Cơ chế quản lý nền kinh tế XHCN.

c. Chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu.

d. Bản chất chính trị XHCN.

36. Đến một giai đoạn mà xã hội không còn giai cấp, không còn đấu tranh giai cấp thì:

a. Nhà nước vẫn còn tồn tại

b. Nhà nước tự tiêu vong

c. Nhà nước phát triển

d. Nhà nước phồn thịnh

37. Nhà nước là:

a. Tổ chức chính trị của giai cấp thống trị về kinh tế nhằm bảo vệ trật tự hiện hành và đàn áp sự phản kháng của các giai cấp khác

b. Tổ chức chính trị đứng trên các giai cấp nhằm bảo vệ tất cả các giai cấp

c. Tổ chức chính trị của giai cấp thống trị về kinh tế nhằm bảo vệ trật tự hiện hành và bảo vệ lợi ích của tất cả các giai cấp khác

d. Các phương án trên đều sai

38. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở nước ta hiện nay cần:

a. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng

b. Dân chủ hoá tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước

c. Xây dựng hệ thống pháp luật hoàn chỉnh

d. Các phương án trên đều đúng

39. Đặc trưng cơ bản của nhà nước xã hội chủ nghĩa:

a. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là công cụ cơ bản để thực hiện quyền lực của nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.

b. Nhà nước xã hội chủ nghĩa vì lợi ích của giai cấp công nhân, trấn áp kẻ chống đối, phá hoại Đảng cộng sản

c. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là kiểu nhà nước nguyên nghĩa

d. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước lôi cuốn giai cấp công nhân lãnh đạo, quản lý xã hội

40. Sự ra đời của chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa được thiết lập cho:

a. Giai cấp tư sản

b. Giai cấp công nhân

c. Giai cấp công nhân và đa số nhân dân lao động

d. Giai cấp tiểu tư sản

41. Chức năng cơ bản của nhà nước là:

a. Chức năng kinh tế

b. Chức năng văn hoá và tư tưởng

c. Chức năng đối nội, chức năng đối ngoại

d. Chức năng chính trị

42. Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền mang bản chất:

a. Giai cấp nông dân, tính nhân dân và tính dân tộc

b. Giai cấp tư sản, tính nhân dân và tính dân tộc

c. Giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc

d. Tính nhân dân rộng rãi

43. Bản chất chính trị của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa thể hiện:

a. Là sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đảng của nó đối với toàn xã hội, để thực hiện quyền lực và lợi ích của toàn thể nhân dân lao động, trong đó có giai cấp công nhân.

b. Là thực hiện quyền lực của giai cấp công nhân và nhân dân lao động đối với toàn xã hội.

c. Là sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính đảng của nó để cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới.

d. Các phương án trên đều đúng

44. Sự ra đời của chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa được thiết lập cho:

a. Giai cấp tư sản

b. Giai cấp công nhân

c. Giai cấp công nhân và đa số nhân dân lao động

d. Giai cấp tiểu tư sản

45. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là một tổ chức chính trị dựa trên cơ sở kinh tế:

a. Nhiều thành phần

b. Đa thành phần sở hữu

c. Xã hội chủ nghĩa

d. Tất cả các phương án trên

46. Căn cứ vào lĩnh vực tác động của quyền lực nhà nước xã hội chủ nghĩa thì nhà nước có chức năng:

1. Đối nội
2. Chính trị
3. Giai cấp
4. Tất cả các phương án trên
5. Điền từ vào chỗ trống: Nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi và tính…..sâu sắc
6. Giai cấp
7. Dân tộc
8. Cộng đồng
9. Nhân đạo
10. Cơ sở kinh tế của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là:
11. Sở hữu tập thể
12. Sở hữu toàn dân
13. Sở hữu nhiều thành phần
14. Tất cả các phương án trên
15. Quan niệm cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin là dân chủ với tư cách là một phạm trù chính trị gắn với một kiểu nhà nước và một giai cấp cầm quyền thì sẽ:
16. Có nền dân chủ phi giai cấp
17. Thủ tiêu dân chủ nhân dân
18. Có tính nhân dân rộng rãi
19. Không có dân chủ phi giai cấp
20. Chức năng cơ bản của nhà nước là chức năng:
21. Văn hoá và tư tưởng
22. Chính trị
23. Đối nội, đối ngoại
24. Kinh tế

**BÀI 5**

**CƠ CẨU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

1. Cơ cấu xã hội là:

a. Những cộng đồng người cùng toàn bộ những mối quan hệ xã hội do tác động lẫn nhau của các cộng đồng ấy tạo nên.

b. Tầng lớp trong một chế độ xã hội nhất định.

c. Những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý quá trình sản xuất.

d. Hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định.

2. Cơ cấu xã hội - giai cấp là:

a. Những cộng đồng người cùng toàn bộ những mối quan hệ xã hội do tác động lẫn nhau của các cộng đồng ấy tạo nên.

b. Hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định.

c. Hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định, thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý quá trình sản xuất, về địa vị chính trị - xã hội... giữa các giai cấp và tầng lớp đó.

d. Cả a,b và c.

3. Cơ cấu xã hội của xã hội tư bản chủ nghĩa được đặc trưng bởi 2 giai cấp cơ bản đối lập nhau về lợi ích là:

a. Giai cấp tư sản và giai cấp nông dân.

b. Giai cấp tư sản tầng lớp trí thức.

c. Giai cấp tư sản và giai cấp vô sản

d. Giai cấp vô sản và chủ nô

4. Chủ nghĩa Mác - Lênin là vũ khí tư tưởng để nhận thức và cải tạo thế giới của giai cấp:

a. Giai cấp tư sản

b. Giai cấp nông dân

c. Giai cấp công nhân

d. Giai cấp tiểu thương

5. Cơ cấu xã hội của xã hội tư bản chủ nghĩa được đặc trưng bởi hai giai cấp cơ bản đối lập nhau về lợi ích là:

a. Giai cấp tư sản và giai cấp nông dân.

b. Giai cấp tư sản tầng lớp trí thức.

c. Giai cấp tư sản và giai cấp vô sản

d. Giai cấp vô sản và chủ nô

6. Trí thức là một bộ phận xã hội đặc biệt quan trọng, họ tồn tại với tư cách là:

a. Giai cấp

b. Tầng lớp

c. Cộng đồng xã hội

d. Nhóm

7. Cơ cấu xã hội có vai trò quan trọng nhất là:

a. Cơ cấu xã hội - nghề nghiệp

b. Cơ cấu xã hội - dân tộc

c. Cơ cấu xã hội - dân cư

d. Cơ cấu xã hội - giai cấp

8. Để phát huy nguồn lực con người ở Việt Nam hiện nay cần phải thực hiện những phương hướng:

a. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế đất nước

b. Xây dựng và từng bước hoàn chỉnh một hệ thống chính sách xã hội phù hợp.

c. Từng bước xây dựng và không ngừng hoàn thiện cơ chế quản lý của chế độ xã hội chủ nghĩa

d. Các phương án trên đều đúng

9. Trong quá trình xây dựng CNXH, liên minh giữa giai cấp CN, giai cấp ND và tầng lớp trí thức giữ vai trò quyết định trong lĩnh vực:

a. Chính trị

b. Văn hoá

c. Kinh tế

d. Tư tưởng.

10. Yếu tố nào có tác động trực tiếp để phát huy nguồn lực con người?

a. Phát triển kinh tế - xã hội

b. Giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin

c. Giáo dục về đạo đức, lối sống

d. Giải quyết việc làm

11. Yếu tố quyết định sự liên minh giữa giai cấp CN, giai cấp ND và tầng lớp trí thức

a. Do giai cấp CN mong muốn

b. Do cùng một kẻ thù là giai cấp TS

c. Do có những lợi ích cơ bản thống nhất với nhau

d. Do mục đích về chính trị của giai cấp CN

12. Phân phối theo lao động là hình thức phân phối cơ bản của xã hội nào?

a. Xã hội tư bản chủ nghĩa

b. Xã hội xã hội chủ nghĩa

c. Xã hội cộng sản chủ nghĩa

d. Các phươnh án trên đều đúng

13. Xu hướng phát triển cơ cấu XH - giai cấp ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ mang tính đa dạng và thống nhất chủ yếu:

a. Do trình phát triển không đồng đều

b. Do nền kinh tế nhiều thành phần

c. Do sự mong muốn của giai cấp CN

d. Cả a, b và c

14. Phân phối theo lao động là hình thức phân phối cơ bản của xã hội:

a. Xã hội tư bản chủ nghĩa

b. Xã hội xã hội chủ nghĩa

c. Xã hội cộng sản chủ nghĩa

d. Các phương án trên đều sai

15. Trong cách mạng XHCN lập trường chính trị của liên minh công, nông, trí thức được xác định bởi lập trường chính trị của giai cấp:

a. Giai cấp công nhân.

b. Giai cấp nông dân.

c. Tầng lớp trí thức.

d. Của cả ba giai cấp trên.

16. Trong cơ cấu giai cấp - xã hội ở nước ta hiện nay có :

a. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp tư sản

b. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, tầng lớp tư sản, tiểu tư sản và các tầng lớp nhân dân lao động khác

c. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.

d. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và tăng lữ.

17. Để thực hiện liên minh công, nông, trí thức trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam, chúng ta cần phải:

a. Tổ chức tuyên truyền giác ngộ sự đoàn kết của XH.

b. Xác định cụ thể và công bằng lợi ích kinh tế của từng giai cấp để làm cơ sở gắn kết.

c. Xây dựng từng bước nền dân chủ XHCN, nhà nước dùng những cơ chế chính sách để liên minh thực hiện.

d. Tất cả a, b, c đúng

18. Trong các cơ cấu hợp thành cơ cấu xã hội thì cơ cấu nào giữ vai trò quyết định trong việc hình thành các quan hệ xã hội.

a. Cơ cấu đảng phái

b. Cơ cấu nghề nghiệp

c. Cơ cấu giai cấp

d. Cơ cấu tôn giáo

19. Nội dung kinh tế của liên minh công, nông, trí thức trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam hiện nay:

a. Xác định cơ cấu kinh tế hợp lý

b. Phát triển nhiều hình thức hợp tác, giao lưu, liên kết…trong các khâu của quá trình sản xuất giữa các thành viên trong liên minh.

c. Từng bước hình thành quan hệ sản xuất XHCN trong quá trình thực hiện liên minh. Đồng thời tăng cường sự quản lý nhà nước đối với vịêc thực hiện liên minh.

d. Cả ba đáp án trên.

20. Sự biến đổi về cơ cấu xã hội – giai cấp gắn liền và qui định bởi sự biến động của cơ cấu:

a. Cơ cấu xã hội – dân số

b. Cơ cấu xã hội – dân cư

c. Cơ cấu xã hội – kinh tế

d. Cơ cấu xã hội – dân tộc

21. Liên minh giai cấp trong cách mạng XHCN:

a. Được thực hiện trước và sau khi giành chính quyền.

b. Là liên minh trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa tư tưởng.

c. Được thực hiện trên cơ sở thống nhất các lợi ích căn bản của các giai cấp.

d. Bao gồm ba đáp án a, b, c.

22. Trí thức được quan niệm là:

a. Một giai cấp

b. Một tầng lớp

c. Cá nhân

d. Cả a, b đều đúng

23. Nội dung của quá trình đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước ở Việt Nam hiện nay:

a. Nâng cao chất lượng đào tạo, đào tạo lại cán bộ công chức theo yêu cầu mới của cải cách nhà nước.

b. Đổi mới việc quản lý cán bộ công chức; sử dụng, đãi ngộ cán bộ, công chức.

c. Tăng thêm quyền lực cho cán bộ công chức để giúp họ có quyền tự quyết trong việc giải quyết các vấn đề của cuộc sống.

d. Gồm đáp a và b.

24. Điền từ còn thiếu: “Các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, còn........lại là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp”.

a. Giai cấp địa chủ

b. Giai cấp vô sản

c. Giai cấp tư sản

d. Giai cấp tiểu tư sản

25. Sự biến đổi về cơ cấu xã hội – giai cấp gắn liền và qui định bởi sự biến động của cơ cấu:

a. Cơ cấu xã hội – dân số

b. Cơ cấu xã hội – dân cư

c. Cơ cấu xã hội – kinh tế

d. Cơ cấu xã hội – dân tộc

26. Trong cơ cấu giai cấp - xã hội ở nước ta hiện nay có:

a. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp tư sản

b. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, tầng lớp tư sản, tiểu tư sản và các tầng lớp nhân dân lao động khác

c. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.

d. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và tăng lữ.

27. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, mâu thuẫn về lợi ích giữa những người lao động làm thuê với tầng lớp tư sản là :

a. Mâu thuẫn đối kháng

b. Mâu thuẫn không đối kháng

c. Mâu thuẫn không cơ bản

d. Mâu thuẫn thứ yếu

1. Sự biến đổi về cơ cấu xã hội – giai cấp gắn liền và quy định bởi sự biến đổi của loại hình cơ cấu:
2. Văn hoá
3. Kinh tế
4. Chính trị
5. Dân tộc
6. Nguyên nhân của xu hướng phát triển cơ cấu xã hội – giai cấp ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ mang tính đa dạng và thống nhất là do:
7. Nền văn hóa đa dạng và thống nhất
8. Nền kinh tế nhiều thành phần
9. Đoàn kết dân tộc và đoàn kết toàn dân
10. Trình độ phát triển không đều giữa các giai cấp
11. Liên minh giai cấp về văn hoá trong chủ nghĩa xã hội giai cấp công nhân, nông dân và những người lao động khác thường xuyên:
12. Đoàn kết, hợp tác, tương trợ
13. Nâng cao tính tổ chức, kỷ luật
14. Nâng cao đạo đức cách mạng
15. Học tập nâng cao trình độ
16. Sư biến đổi cơ cấu xã hội – giai cấp ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ngoài tính đặc thù còn mang tính:
17. Đa dạng, phong phú
18. Quy luật chung
19. Quy luật phổ biến
20. Khách quan
21. Theo V. I. Lênin, nội dung chủ yếu của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội phải theo nguyên tắc:
22. Đoàn kết, chia sẻ quyền lợi
23. Kết hợp đúng đắn lợi ích
24. Phân phối bình đẳng và công bằng
25. Biết chung sống và hợp tác

**BÀI 6**

**VẮN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

1. Dân tộc được hiểu theo hai nghĩa:

a. Dân tộc là cộng đồng chính trị và dân tộc là quốc gia dân tộc.

b. Dân tộc là quốc gia dân tộc và dân tộc là tộc người.

c. Dân tộc là tộc người, được hình thành lâu dài trong lịch sử và dân tộc: Tày, Thái, Mường,..

d. Dân tộc là quốc gia dân tộc và dân tộc: Anh, Pháp, Ấn Độ,..

2. Trong một quốc gia có nhiều dân tộc như nước ta thì việc giải quyết các vấn đề có ý nghĩa cơ bản để các dân tộc thực sự bình đẳng:

a. Ưu tiên giúp đỡ tư liệu sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số

b. Kiên quyết chống biểu hiện kỳ thị dân tộc

c. Nâng cao trình độ văn hóa cho đồng bào dân tộc thiểu số

d. Xóa bỏ dần sự chênh lệch về mọi mặt giữa các dân tộc do lịch sử để lại.

3. Xu hướng thứ nhất của sự phát triển dân tộc là:

a. Xu hướng phát triển nền văn hóa và tâm lý riêng của mỗi dân tộc

b. Xu hướng tách ra để hình thành các cộng đồng dân tộc độc lập

c. Xu hướng các dân tộc mong muốn xích lại gần nhau để cùng phát triển

d. Các phương án trên đều sai

4. Trong các nội dung của quyền dân tộc tự quyết thì quyền nào được coi là cơ bản nhất:

a. Tự quyết về kinh tế

b. Tự quyết về chính trị

c. Tự quyết về văn hóa

d. Tự quyết về lãnh thổ

5. Nguyên tắc cơ bản trong giải quyết vấn đề dân tộc là:

a. Các dân tộc đoàn kết; Các dân tộc được quyền tự trị; Các dân tộc có quyền bình đẳng

b. Các dân tộc ngang nhau về quyền và nghĩa vụ; Các dân tộc không bị kỳ thị; Các dân tộc bình đẳng trước pháp luật

c. Các dân tộc liên minh cách mạng; Các dân tộc được tự do mưu cầu hạnh phúc; Các dân tộc đoàn kết giúp nhau cùng tiến bộ

d. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng; Các dân tộc được quyền tự quyết; Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc

6. Khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng người ổn định được hình thành trong lịch sử trong một lãnh thổ nhất định, có chung mối liên hệ về kinh tế, ngôn ngữ và một nền văn hóa:

a. Bộ lạc

b. Quốc gia

c. Dân tộc

d. Bộ tộc

7. Quan hệ giữa lợi ích dân tộc với lợi ích của giai cấp công nhân dưới chủ nghĩa xã hội:

a. Là mâu thuẫn

b. Là thống nhất

c. Là thống nhất về căn bản

d. Đồng nhất với nhau

8. Trong một quốc gia đa dân tộc thì vấn đề được coi là có ý nghĩa cơ bản nhất để thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc:

a. Ban hành hệ thống hiến pháp và pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

b. Chống tư tưởng phân biệt chủng tộc, kì thị chia rẽ dân tộc.

c. Nâng cao trình độ dân trí, văn hoá cho đồng bào

d. Xoá bỏ dần sự chênh lệch về mọi mặt giữa các dân tộc do lịch sử để lại

9. Đặc trưng nổi bật trong quan hệ giữa các dân tộc ở nước ta là:

a. Là sự phân bố đan xen nhau, không một dân tộc nào có lãnh thổ riêng.

b. Là sự đoàn kết dân tộc, hoà hợp dân tộc trong một cộng đồng thống nhất.

c. Là có sự chênh lệch về trình độ phát triển KT-XH giữa các dân tộc.

d. Là các dân tộc có bản sắc văn hoá riêng, đa dạng, phong phú.

10. Cơ sở tồn tại của tôn giáo là:

a. Nhận thức của con người đối với thế giới khách quan còn hạn chế

b. Niềm tin của con người

c. Sự tưởng tượng của con người

d. Tồn tại xã hội

11. Tôn giáo hình thành là do:

a. Sự yếu kém của trình độ phát triển lực lượng sản xuất, sự bần cùng về kinh tế, áp bức về chính trị, bất lực trước những bất công xã hội

b. Nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và bản thân mình còn hạn chế

c. Sự sợ hãi của con người trước những sức mạnh của tự nhiên và xã hội tạo cho con người một “tâm thế khuất phục”

d. Các phương án trên đều đúng

12. Chủ nghĩa Mác – Lênin và hệ tư tưởng tôn giáo khác nhau ở điểm:

a. Khác nhau về thế giới quan

b. Khác nhau về nhân sinh quan

c. Khác nhau ở con đường mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân

d. Các phương án trên đều đúng

13. Cơ sở tồn tại của tôn giáo là:

a. Nhận thức của con người đối với thế giới khách quan còn hạn chế

b. Niềm tin của con người

c. Sự tưởng tượng của con người

d. Tồn tại xã hội

14. Chức năng chính của tôn giáo là:

a. Đền bù một cách hư ảo những cái con người còn thiếu trong hiện thực

b. Hướng con người đến cuộc sống tốt đẹp hơn

c. Giáo dục đạo đức chân chính cho con người

d. Giải phóng con người khỏi nỗi đau trong hiện thực

15. Chủ trương của Đảng ta đối với hoạt động tôn giáo:

a. Cấm mọi hình thức sinh hoạt tôn giáo

b. Phân biệt giữa người có tín ngưỡng và không có tín ngưỡng

c. Nhanh chóng thủ tiêu tôn giáo

d. Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng

16. Chủ nghĩa Mác – Lênin và hệ tư tưởng tôn giáo khác nhau ở điểm:

a. Khác nhau về thế giới quan

b. Khác nhau về nhân sinh quan

c. Khác nhau ở con đường mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân

d. Các phương án trên đều đúng

17. Tôn giáo là phạm trù lịch sử:

a. Vì tôn giáo ra đời phát triển cùng với con người

b. Vì tôn giáo chỉ ra đời, tồn tại trong một giai đoạn nhất định của lịch sử loài người

c. Vì tôn giáo xuất hiện rất sớm và nó ngày càng phát triển cùng với sự phát triển của loài người

d. Vì tôn giáo phản ánh khát vọng của con người

18. Chức năng chính của tôn giáo là:

a. Đền bù một cách hư ảo những cái con người còn thiếu trong hiện thực

b. Hướng con người đến cuộc sống tốt đẹp hơn

c. Giáo dục đạo đức chân chính cho con người

d. Giải phóng con người khỏi nỗi đau trong hiện thực

19. Chủ trương của Đảng ta đối với hoạt động tôn giáo:

a. Cấm mọi hình thức sinh hoạt tôn giáo

b. Phân biệt giữa người có tín ngưỡng và không có tín ngưỡng

c. Nhanh chóng thủ tiêu tôn giáo

d. Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng

20. Tôn giáo mang tính chính trị:

a. Do sự kém hiểu biết của con người

b. Vì tôn giáo hướng con người đến thế giới không có thực

c. Vì tôn giáo có vai trò tích cực về mặt đạo đức

d. Vì các giai cấp bóc lột thống trị thường lợi dụng tôn giáo để phục vụ lợi ích của mình

21.Những hình thức thể hiện sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa các dân tộc

a. Chiến tranh

b. Trao đổi hàng hoá

c. Trao đổi văn hoá, khoa học

d. Các phương án trên đều đúng

22. Xóa bỏ mặt chính trị của tôn giáo:

a. Là xoá bỏ mặt hư ảo của tôn giáo

b. Là xoá bỏ sự tồn tại của các tôn giáo

c. Là xoá bỏ kẻ lợi dụng tôn giáo

d. Là xoá bỏ mọi quan hệ quốc tế của tôn giáo

23. Phải có quan điểm lịch sử khi giải quyết vấn đề tôn giáo:

a. Vì ở mỗi thời kỳ lịch sử khác nhau, vai trò, tác động của từng tôn giáo với đời sống xã hội không giống nhau

b. Vì sự ra đời của tôn giáo không giống nhau

c. Vì tôn giáo tồn tại ở nhiều nước khác nhau

d. Vì sự hình thành và phát triển của tôn giáo gắn liền với sự hình thành, phát triển của loài người

24. Sự tồn tại tôn giáo trong chủ nghĩa xã hội là bởỉ các nguyên nhân về:

a. Nhận thức; kinh tế; tâm lý; chính trị-xã hội; văn hóa

b. Tập quán; mê tín dị đoan; kinh tế; văn hóa; giao lưu quốc tế

c. Dân trí; truyền thống; tư tưởng; lợi ích; thói quen

d. Chính trị - xã hội; nghèo khổ; tập tục; lễ giáo

25. Trong một quốc gia có nhiều dân tộc như nước ta thì việc giải quyết các vấn đề được coi là có ý nghĩa cơ bản để các dân tộc thực sự bình đẳng:

a. Ưu tiên giúp đỡ tư liệu sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số

b. Kiên quyết chống biểu hiện kỳ thị dân tộc

c. Nâng cao trình độ văn hóa cho đồng bào dân tộc thiểu số

d. Xóa bỏ dần sự chênh lệch về mọi mặt giữa các dân tộc do lịch sử để lại.

26. Để tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc ở nước ta hiện nay thì chính sách cụ thể được coi là vấn đề cực kỳ quan trọng:

a. Tăng cường bồi dưỡng, đào tạo cán bộ dân tộc ít người

b. Phát huy truyền thống đoàn kết

c. Tôn trọng lợi ích, truyền thống, văn hóa, ngôn ngữ, phong tục tập quá của các dân tộc

d. Phát triển kinh tế hàng hóa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số

27. Câu nói “Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân” là của:

a. Hêghen

b. Phơbách

c. C. Mác

d. Lênin

28. Sự khác nhau cơ bản giữa cộng đồng dân tộc và cộng đồng bộ tộc là ở điểm:

a. Khác nhau ở nơi cư trú

b. Khác nhau về văn hóa, tâm lý

c. Khác nhau ở mối quan hệ gắn bó về kinh tế giữa các thành viên

d. Khác nhau ở tiếng nói và phong tục, tập quán, tín ngưỡng

29. CNXH nghiên cứu vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo dưới góc độ:

a. Góc độ chính trị - XH

c. Tâm linh - XH

b. Hình thái ý thức XH

d. Cả a, b và c

30. Xu hướng thứ nhất của sự phát triển dân tộc là:

a. Xu hướng phát triển nền văn hóa và tâm lý riêng của mỗi dân tộc

b. Xu hướng tách ra để hình thành các cộng đồng dân tộc độc lập

c. Xu hướng các dân tộc mong muốn xích lại gần nhau để cùng phát triển

d. Các phương án trên đều sai

31. Đặc trưng chủ yếu của ý thức Tôn giáo:

a. Sự phản kháng đối với bất công xã hội.

b. Niềm tin vào sự tồn tại của các đấng siêu nhiên thần thánh.

c. Khát vọng được giải thoát.

d. Phản ánh không đúng hiện thực khách quan

32. Một trong những khuynh hướng tích cực của hoạt động tôn giáo ở nước ta hiện nay:

a. Truyền bá chủ trương chính sách của đảng và nhà nước ta.

b. Tốt đời đẹp đạo

c. Tổ chức các nghi lễ tôn giáo rất hoành tráng

d. Cả ba đáp án trên đều đúng

33. Sự khác nhau cơ bản giữa cộng đồng dân tộc và cộng đồng bộ tộc là ở:

a. Khác nhau ở nơi cư trú

b. Khác nhau về văn hóa, tâm lý

c. Khác nhau ở mối quan hệ gắn bó về kinh tế giữa các thành viên

d. Khác nhau ở tiếng nói và phong tục, tập quán, tín ngưỡng

34. Tôn giáo chỉ có ở Việt Nam:

a. Phật giáo

b. Cao đài

c. Hindu

d. Thiên chúa giáo

35. Nguyên tắc cơ bản trong giải quyết vấn đề dân tộc là:

a. Các dân tộc đoàn kết; Các dân tộc được quyền tự trị; Các dân tộc có quyền bình đẳng.

b. Các dân tộc ngang nhau về quyền và nghĩa vụ; Các dân tộc không bị kỳ thị; Các dân tộc bình đẳng trước pháp luật.

c. Các dân tộc liên minh cách mạng; Các dân tộc được tự do mưu cầu hạnh phức; Các dân tộc đoàn kết giúp nhau cùng tiến bộ.

d. Các dân tộc hoàn toàn bính đẳng; Các dân tộc được quyền tự quyết; Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc.

1. Điền vào chỗ trống: Về bản chất, tôn giáo là một hiện tượng xã hội phản ánh …. của con người trước tự nhiên và xã hội
2. Hoàn toàn phụ thuộc
3. Hoàn toàn bất lực
4. Lo lắng, sợ hãi
5. Bế tắc, bất lực
6. Mặt tư tưởng của tôn giáo thể hiện sự tín ngưỡng tôn giáo. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, khắc phục mặt này là việc làm:
7. Lâu dài
8. Thường xuyên
9. Khẩn trương
10. Cấp bách
11. Tôn giáo có sức hút đối với một bộ phận nhân dân, vì:
12. Chính trị, xã hội
13. Niềm tin
14. Văn hoá
15. Đạo đức
16. Chủ nghĩa Mác – Lênin và hệ tư tưởng tôn giáo khác nhau cơ bản về:
17. Nhân sinh quan
18. Thế giới quan
19. Con đường mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân
20. Tất cả các phương án trên
21. Nguyên nhân của sự tồn tại tôn giáo đóng vai trò là yếu tố bền vững nhất trong đời sống tinh thần là do:
22. Trình độ hiểu biết
23. Trình độ văn hoá
24. Nhận thức
25. Tâm lý
26. Cơ sở tồn tại của tôn giáo là:
27. Niềm tin của con người
28. Nhận thức của con người về thế giới khách quan
29. Tồn tại xã hội
30. Sự tưởng tượng của con người

**BÀI 7**

**VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN**

**CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

1. Điều kiện và tiền đề kinh tế - xã hội để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:
2. Là việc hoàn thiện các chính sách văn hóa – xã hội

b. Là việc phát triển giáo dục, đào tạo

c. Là việc phát triển khoa học – công nghệ hiện đại

d. Là việc thủ tiêu chế độ người bóc lột người

2. Gia đình là:

a. Là một trong những hình thức tổ chức cơ bản trong đời sống cộng đồng của con người;

b. Một thiết chế văn hóa-xã hội đặc thù;

c. Được hình thành, tồn tại và phát triển trên quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng và giáo dục … giữa các thành viên.

d. Bao gồm a, b, c.

3. Hôn nhân tiến bộ dựa trên cơ sở:

a. Tình yêu

b. Hôn nhân 1 vợ 1 chồng

c. Tự nguyện

d. Cả a, b và c

4. Điều kiện và tiền đề kinh tế - xã hội để xây dựng gia đình trong CNXH là:

a. Xóa bỏ chế tư hữu, xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

b. Phát triển kinh tế - XH

c. Nhà nước XHCN ban hành và thực hiện luật hôn nhân và nâng cao trình độ văn hóa và dân trí cho mọi người dân

d. Cả a, b và c

5. Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ là hôn nhân được xây dựng chủ yếu dựa trên cơ sở:

a. Quyền tự do kết hôn và ly hôn

b. Tình yêu chân chính

c. Tình cảm nam nữ

d. Kinh tế XHCN

6. Để thực hiện các quan hệ cơ bản nhất trong gia đình mới XHCN ở Việt Nam cần phải tuân thủ nguyên tắc:

a. Đạo lý làm người.

b. Cùng có lợi.

c. Thỏa mãn những nhu cầu tâm sinh lý.

d. Bình đẳng, thương yêu và chia sẻ.

7. Là một trong những khuynh hướng tiêu cực trong quan hệ tình yêu trong lứa tuổi thanh niên ở nước ta hiện nay

a. Ly hôn

b. Sống thử

c. Bạo hành gia đình

d. Đa thê

8. Chức năng cơ bản của gia đình:

a. Chức năng tái sản xuất ra con người, nuôi dưỡng giáo dục;

b. Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng;

c. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình.

d. Cả a,b và c.

9. Vị trí của gia đình trong xã hội:

a. Gia đình là tế bào của xã hội;

b. Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên;

c. Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội.

d. Cả a,b và c.

10. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội:

a. Biến đổi quy mô, kết cấu và các chức năng của gia đình

b.Biến đổi chức năng kinh tế, tổ chức tiêu dùng và Biến đổi quan hệ giữa giá trị chuẩn mực văn hóa của gia đình.;

c.Biến đổi chức năng giáo dục và chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm, sinh lý, duy trì tình cảm;

d. Cả a,b và c.

11. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội:

a. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng nâng cao nhận thức của xã hội về xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam.

b. Đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống vật chất, kinh tế, hộ gia đình.

c. Kế thừa, những giá trị của gia đình truyền thống và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa.

d. Cả a,b và c.

12. Điều kiện và tiền đề kinh tế - xã hội để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là:

1. Phát triển khoa học – công nghệ hiện đại
2. Xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất
3. Phát triển giáo dục, đào tạo
4. Hoàn thiện các chính sách văn hoá – xã hội

13. Trong gia đình, mối quan hệ tự nhiên, là yếu tố mạnh mẽ nhất gắn kết các thành viên trong gia đình với nhau thể hiện quan hệ:

1. Quan hệ huyết thống
2. Quan hệ quần tụ trong một không gian sinh tồn
3. Quan hệ hôn nhân
4. Quan hệ nuôi dưỡng